

VN-Index giảm 0,9%

Ngày báo cáo

24/4/2026

Phòng Nghiên cứu & Phân tích

research@vietcap.com.vn

+8428 3914 3588

Điểm nhấn thị trường

VN-Index giảm 0,9%

VN-Index giảm 0,9% (-17,1 điểm) vào thứ Sáu, đóng cửa phiên giao dịch tại 1.853,3 điểm. Sắc đỏ của chỉ số chủ yếu đến từ ngành Ngân hàng và Bất động sản. Toàn sàn ghi nhận 135 mã tăng, 188 mã giảm và 55 mã đi ngang. Thanh khoản giảm so với phiên trước xuống 733,4 triệu USD.

- Các cổ phiếu ngân hàng VCB (-3,5%), BID (-2,0%), CTG (-1,4%), MBB (-0,8%), STB (-0,8%) giảm mạnh.
- Các mã vốn hóa lớn ngành bất động sản VIC (-1,1%), VHM (-5,2%) và VRE (-0,9%) đều giảm điểm.
- Các cổ phiếu tiêu dùng diễn biến kém tích cực khi VPL (-2,4%), MWG (-1,2%), MSN (-1,3%), SAB (-2,5%), VNM (-1,0%) và PNJ (-2,4%) đều chốt phiên trong sắc đỏ.
- Những mã giảm đáng chú ý ở các ngành khác bao gồm công ty công nghệ FPT (-1,2%), công ty công nghiệp GEE (-1,6%) và các công ty hóa chất DCM (-4,0%) và DPM (-2,0%).

Dữ liệu thị trường

	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1853,3	252,0	127,5
% Δ	-0,9%	-0,5%	-0,6%
- % Δ 1 tuần	2,0%	-3,1%	-0,6%
- % YTD	3,9%	0,6%	5,6%
- % YOY	51,5%	19,4%	38,9%
GTGD			
- Hôm nay (triệu)	\$735,5	\$48,5	\$19,6
- TB 1 tháng (triệu)	\$921,6	\$56,5	\$20,9
- TB 1 năm (triệu)	\$1.138,3	\$80,7	\$33,1
- TB QTD	\$934,2	\$54,0	\$20,6
- % TB QTD/TB quý gần nhất	-22,2%	-30,9%	-42,0%
Khối ngoại			
- Mua (triệu)	\$60,3	\$1,3	\$0,2
- Bán (triệu)	\$133,8	\$1,3	\$0,6
- GT ròng (triệu)	-\$73,5	-\$0,1	-\$0,4
Độ rộng TT			
Mã tăng	141	73	154
Mã giảm	197	83	189
Không đổi	86	149	525
Chỉ số chính			
GT vốn hóa (tỷ)	332,7	17,2	51,4
P/E trượt 12T	14,9	10,4	18,5
LS cổ tức*	3,4%	4,8%	5,6%
Giao dịch			
Phái sinh	Giá	KL mở cửa	GTGD (tr USD)
VN30F1M	2.015,0	32.641	1.984,5
VN30F2M	2.014,6	1.545	2,1
VN30F1Q	2.014,0	315	0,3
VN30F2Q	2.012,0	23	0,1
VN100F1M	1.932,0	23	0,5
VN100F2M	1.907,1	18	0,0
VN100F1Q	1.918,0	16	0,0
VN100F2Q	1.920,0	3	0,0
USD/VND		26.327	

Nguồn: Fiinpro, HSX, HNX

*Phương pháp của Fiinpro được tính toán dựa trên các công ty đã chi trả cổ tức cho năm hiện tại, thay vì toàn bộ VN-Index. Theo Bloomberg, lợi suất cổ tức 12 tháng tổng hợp cho VN-Index tính đến ngày 30/5 là 1,84%.

Điểm tin & Nhận định nhanh

- Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XVI kiện toàn các chức danh lãnh đạo cấp cao và thông qua nhiều lĩnh vực kinh tế xã hội quan trọng
- GAS: LNTT sơ bộ quý 1/2026 tăng 9% YoY, phù hợp với dự báo của chúng tôi
- PVS: Tăng trưởng doanh thu mạnh mẽ; lợi nhuận nhìn chung phù hợp với số liệu sơ bộ thận trọng
- ACB: KQKD quý 1/2026 cơ bản phù hợp với kỳ vọng; nền tảng huy động vốn bền vững hỗ trợ triển vọng ổn định cả năm - Báo cáo KQKD & Gặp gỡ NĐT
- MCH: Retail Supreme, chiến lược đổi mới và các ngành hàng phụ trợ thúc đẩy mục tiêu tăng trưởng hai chữ số - Báo cáo ĐHCĐ & Báo cáo KQKD
- MSN: Lợi nhuận tăng mạnh nhờ tăng trưởng toàn diện của mảng tiêu dùng - bán lẻ và giá khoáng sản lập đỉnh lịch sử - Báo cáo ĐHCĐ & Báo cáo KQKD
- SAB: LNST sau lợi ích CĐTS phục hồi 49% YoY sau năm 2025 đầy biến động - Báo cáo KQKD
- VRE: Lợi nhuận cho thuê bán lẻ duy trì ổn định; chuyển nhượng BĐS đầu tư không cốt lõi và doanh thu tài chính thúc đẩy tăng trưởng LNST sau lợi ích CĐTS quý 1/2026 - Báo cáo Gặp gỡ NĐT & KQKD
- DXS: Kế hoạch năm 2026 với mục tiêu LNST sau lợi ích CĐTS tăng mạnh 50% YoY - Báo cáo ĐHCĐ
- HDC: Kế hoạch LNST năm 2026 giảm 23% YoY từ mức nền cao; dự kiến phát hành trái phiếu trong nước; triển vọng doanh số bán BĐS cải thiện - Báo cáo ĐHCĐ
- IDC: Kế hoạch LNTT năm 2026 đi ngang, trong khi doanh số cho thuê đất KCN dự kiến phục hồi 32% YoY - Báo cáo ĐHCĐ
- NKG: Kế hoạch tăng trưởng LNTT và sản lượng bán đầy tham vọng, lần lượt ở mức tăng 66% và 41% YoY - Báo cáo ĐHCĐ
- OIL: Biến động lợi nhuận ngắn hạn; các động lực tăng trưởng cấu trúc vẫn được duy trì - Báo cáo ĐHCĐ & Gặp gỡ NĐT
- PLX: Lợi nhuận quý 1 chịu tác động bởi biến động giá dầu; chuyển dịch năng lượng thông qua mảng kinh doanh mới là chiến lược dài hạn - Báo cáo ĐHCĐ
- SAB: Kế hoạch LNST năm 2026 tăng 8% YoY với KQKD quý 1 tích cực - Báo cáo ĐHCĐ
- VTP: Kế hoạch LNST đi ngang trong năm 2026 trong bối cảnh tiếp tục mở rộng hoạt động logistics xuyên biên giới và logistics tích hợp - Báo cáo ĐHCĐ
- VPB: Lộ trình tăng trưởng vẫn đi đúng hướng; biên lãi ròng và chất lượng tài sản là những điểm cần theo dõi - Báo cáo Gặp gỡ NĐT

Quan điểm kỹ thuật

VN-Index dao động trong biên độ 1.845–1.890 điểm như dự báo. Thanh khoản giảm mạnh cho thấy áp lực bán tiết chế và chỉ số vẫn đang trong quá trình điều tiết cung ngắn hạn. Theo đó, trong phiên 28/04, VN-Index nhiều khả năng sẽ tiếp tục vận động trong vùng biên độ này.

Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.

Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).

Điểm tin & Nhận định nhanh

Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XVI kiện toàn các chức danh lãnh đạo cấp cao và thông qua nhiều lĩnh vực kinh tế xã hội quan trọng

* Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XVI (bế mạc ngày 24/4/2026) đã kiện toàn 39 chức danh lãnh đạo cấp cao, trong đó Tổng Bí thư Tô Lâm được bầu làm Chủ tịch nước, Ủy viên Bộ Chính trị Lê Minh Hung được bầu làm Thủ tướng, và Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn tái đắc cử.

* Quốc hội thông qua Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2026 - 2030, đặt mục tiêu tăng trưởng trên 10%/năm cho giai đoạn 2026-2030, gắn với ổn định vĩ mô và nâng cao đời sống người dân. Để đạt mục tiêu này, tổng vốn đầu tư toàn xã hội dự kiến khoảng 38,5 triệu tỷ đồng ($\approx 40\%$ GDP), với khu vực tư nhân đóng vai trò chủ đạo; ngân sách nhà nước và đầu tư công cũng được tăng mạnh.

* Quốc hội thông qua Nghị quyết về kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn 2026 - 2030; kế hoạch vay, trả nợ công giai đoạn 2026 - 2030; Nghị quyết về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030, đặt mục tiêu tăng thu - chi ngân sách, nâng tỷ trọng đầu tư công, kiểm soát bội chi khoảng 5% GDP và giữ nợ công dưới 60%.

* Ngoài ra, Quốc hội thông qua 8 luật (bao gồm Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt - trong đó nâng ngưỡng doanh thu miễn thuế lên 1 tỷ đồng) và nhiều nghị quyết quan trọng khác (bao gồm Nghị quyết về phát triển văn hóa, xử lý vướng mắc đất đai và thành lập TP Đồng Nai trực thuộc Trung ương).

* Kỳ họp của Quốc hội đặt nền móng cho giai đoạn phát triển mới 2026-2030 với định hướng phấn đấu tăng trưởng cao gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn, cải thiện và nâng cao toàn diện đời sống nhân dân.

* Chúng tôi đang hoàn thành và sẽ gửi một báo cáo tổng hợp chi tiết hơn trong tuần sau.

GAS: LNTT sơ bộ quý 1/2026 tăng 9% YoY, phù hợp với dự báo của chúng tôi

* Tổng Công ty Khí Việt Nam (GAS) công bố kết quả sơ bộ quý 1/2026: doanh thu đạt 37,2 nghìn tỷ đồng (+45% YoY, tương đương 34% dự báo năm 2026 của chúng tôi); LNTT đạt 3,8 nghìn tỷ đồng (+9% YoY, tương đương 24% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

* Chúng tôi cho rằng tăng trưởng doanh thu đến từ 1) sản lượng khí tiêu thụ ước tính tăng 3% YoY, 2) giá dầu nhiên liệu (FO) trung bình tăng 4% YoY, 3) sản lượng kinh doanh LPG có khả năng cao hơn (không có xung đột địa chính trị trong tháng 1-2).

* Chúng tôi cho rằng tăng trưởng LNTT chủ yếu nhờ sản lượng tiêu thụ và giá FO tăng trưởng so với cùng kỳ. Biên lợi nhuận giảm so với cùng kỳ do biên lợi nhuận LPG thấp hơn và chương trình lợi nhuận bằng 0 nhằm hỗ trợ người dùng cuối vào tháng 3 như GAS đã thông báo.

* Chúng tôi nhận thấy không có thay đổi đáng kể đối với dự báo LNTT năm 2026 là 15,7 nghìn tỷ đồng (+9% YoY) do sản lượng tiêu thụ ước tính của chúng tôi và kết quả sơ bộ quý 1 phù hợp với dự báo, dù cần thêm đánh giá chi tiết. Chúng tôi hiện có khuyến nghị MUA đối với GAS với giá mục tiêu là 93.600 đồng/cổ phiếu.

PVS: Tăng trưởng doanh thu mạnh mẽ; lợi nhuận nhìn chung phù hợp với số liệu sơ bộ thận trọng

* Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PVS) công bố KQKD sơ bộ 3T 2026 với doanh thu đạt 7,8 nghìn tỷ đồng (+23% YoY; tương đương 19% dự báo 2026 của chúng tôi) và LNTT đạt 320 tỷ đồng (-17% YoY; tương đương 13% dự báo 2026). Nhìn chung, tăng trưởng doanh thu phù hợp với dự báo cả năm 2026 của chúng tôi là +27% YoY. Quý 1 thường là mùa thấp điểm và PVS có xu hướng đưa ra số liệu sơ bộ một cách thận trọng. Trong giai đoạn 2019–2024, lợi nhuận thực tế quý 1 thường cao hơn số liệu sơ bộ từ 37–82%. Do đó, chúng tôi nhận thấy không có thay đổi đáng kể đối với dự báo lợi nhuận năm 2026, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* Chúng tôi cho rằng tăng trưởng doanh thu mạnh đến từ nhu cầu bền vững đối với các dịch vụ kỹ thuật dầu khí, cùng với tiến độ triển khai ổn định ở các mảng kinh doanh chính. Các cột mốc đáng chú ý trong đầu năm 2026 bao gồm: lễ cắt tôn (first-cut) dự án trạm biển áp ngoài khơi Formosa 4, hạ thủy FSO Lạc Đà Vàng, và tiếp tục thi công dự án đường ống khí Lô B – Ô Môn.

* Hiện tại, chúng tôi có khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu PVS với giá mục tiêu 58.100 đồng/cổ phiếu.

ACB: KQKD quý 1/2026 cơ bản phù hợp với kỳ vọng; nền tảng huy động vốn bền vững hỗ trợ triển vọng ổn định cả năm - Báo cáo KQKD & Gặp gỡ HĐQT

ACB đã công bố KQKD quý 1/2026 với thu nhập từ HĐKD (TOI) đạt 8,9 nghìn tỷ đồng (+12,5% YoY) và lợi nhuận trước thuế (LNTT) đạt 5,4 nghìn tỷ đồng (+16,8% YoY), lần lượt đạt 22,2% và 22,4% dự báo cả năm của chúng tôi. So với quý trước, TOI và LNTT quý 1/2026 tăng lần lượt 8,5% và 54,8%. Mức tăng trưởng lợi nhuận mạnh so với quý trước chủ yếu nhờ chi phí dự phòng giảm mạnh, sau khi ngân hàng đã đẩy mạnh trích lập dự phòng một lần trong quý 4/2025 để làm sạch bảng CĐKT và đưa tỷ lệ nợ xấu xuống dưới 1%. Nhìn chung, chúng tôi đánh giá KQKD quý 1/2026 của ACB cơ bản phù hợp với kỳ vọng, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

Dưới đây là những điểm chính trong KQKD quý 1/2026 cùng các ghi nhận quan trọng từ cuộc họp gặp gỡ nhà đầu tư của ngân hàng:

1. Tăng trưởng tín dụng

- Tăng trưởng tín dụng của ACB trong quý 1/2026 đạt 3,2%, tương đương với mức tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống (3,2%). Trong đó, cho vay bán lẻ tăng 0,8% và cho vay doanh nghiệp tăng 6,0%.

- Mảng bán lẻ tăng trưởng tương đối khiêm tốn, phản ánh chiến lược của ban lãnh đạo trong việc tối ưu hóa danh mục hướng tới các phân khúc có lợi suất cao hơn. Dù vậy, các sản phẩm bán lẻ trọng yếu có biên lợi nhuận cao vẫn được duy trì bền vững, với việc mảng cho vay hộ kinh doanh và cho vay mua nhà tăng lần lượt 2% và 3%.

- Mảng cho vay doanh nghiệp đạt kết quả vượt trội khi ACB tiếp tục đa dạng hóa các động lực tăng trưởng bên ngoài mảng bán lẻ truyền thống. Đáng chú ý, dư nợ phân khúc sản xuất và chế biến tăng 16% so với đầu năm (YTD), trong khi phân khúc thương mại tăng 3% YTD.

- Ban lãnh đạo dự báo tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống năm 2026 sẽ ở mức khoảng 15–16%. Đây là mức được cho là lành mạnh và bền vững cho cả ACB và hệ thống ngân hàng. Theo quan điểm của Ban lãnh đạo, mục tiêu tăng trưởng GDP 10% của Việt Nam có thể được hỗ trợ thông qua việc đẩy mạnh giải ngân đầu tư công thay vì thúc đẩy tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống lên cao.

2. Tăng trưởng nguồn vốn

- Tăng trưởng tiền gửi khách hàng của ACB quý 1/2026 đạt -2,7%, trong khi tổng huy động vốn (bao gồm tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá) đạt 0,9%, thấp hơn mức tăng trưởng tín dụng. Do đó, tỷ lệ cho vay/huy động (LDR) định mức tại ACB tăng lên mức 81% (+2 điểm % QoQ) nhưng vẫn nằm dưới mức trần 85%.

- Đáng chú ý, tỷ lệ CASA của ACB cải thiện lên mức 23,1% trong quý 1/2026 (+33 điểm cb QoQ và +1 điểm % YoY) dù môi trường thanh khoản thắt chặt hơn. Chúng tôi tin rằng kết quả này đến từ chiến lược thắt chặt mối quan hệ với nhóm khách hàng hộ kinh doanh (cả khách hàng sẵn có và khách hàng mới), khi nhóm này tăng cường sử dụng các sản phẩm của ACB để thích ứng với khung thuế mới. Ban lãnh đạo cho biết ACB đã thu hút gần 80.000 khách hàng hộ kinh doanh mới trong quý 1/2026.

- Về thị trường chung, Ban lãnh đạo lưu ý việc tăng trưởng tiền gửi vẫn là thách thức đối với toàn hệ thống do chênh lệch 2 triệu tỷ đồng giữa dư nợ tín dụng và số dư tiền gửi, cùng các yếu tố địa chính trị, thuế quan và sự cạnh tranh lãi suất huy động gay gắt từ các ngân hàng nhỏ. Tuy nhiên, ACB kỳ vọng sự can thiệp của NHNN sẽ giúp bình ổn lãi suất huy động trong quý 2, với xu hướng hạ nhiệt dần về cuối quý và duy trì ổn định sau đó. ACB cũng đang đa dạng hóa nền tảng huy động vốn thông qua các sản phẩm như chứng chỉ tiền gửi (CDs). Nhờ lợi thế thương hiệu vững mạnh, cơ sở tiền gửi chất lượng cao và chi phí vốn tương đối thấp, ACB sẽ đảm bảo khả năng tăng trưởng bền vững trong bối cảnh thanh khoản hiện tại.

3. NIM

- NIM quý 1/2026 của ACB giảm 17 điểm cb YoY và 16 điểm cb QoQ, xuống còn 2,77%, do COF tăng mạnh (+42 điểm cb QoQ) bù đắp cho mức tăng của lợi suất tài sản sinh lãi (+18 điểm cb QoQ).

- Dù chi phí vốn tăng trong ngắn hạn, Ban lãnh đạo vẫn kỳ vọng NIM cả năm 2026 sẽ duy trì đi ngang nhờ tối ưu hóa chi phí vốn và sự cải thiện liên tục của tỷ lệ CASA.

4. Tổng thu nhập ngoài lãi (NOII)

- Thu nhập ngoài lãi (NOII) quý 1/2026 của ACB đạt 1,9 nghìn tỷ đồng (+23,1% YoY). Kết quả tích cực này chủ yếu nhờ (1) thu nhập từ hoạt động đầu tư tăng mạnh từ mức nền thấp của quý 1/2025 (+731% YoY) và (2) thu nhập từ phí dịch vụ tăng 14%, chủ yếu là phí thanh toán và thu nhập từ mảng bancassurance.

- Tính đến quý 1/2026, thu nhập từ các công ty con đóng góp 8% vào tổng lợi nhuận của ACB. Ban lãnh đạo kỳ vọng mức đóng góp này sẽ tiếp tục tăng nhờ kế hoạch cấp thêm 2-3 nghìn tỷ đồng vốn điều lệ vào ACBS và ACB Capital.

5. Chất lượng tài sản

- Tỷ lệ nợ xấu (NPL) quý 1/2026 của ACB ở mức 0,97%, đi ngang QoQ; tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) được duy trì ở mức 114%. ACB dự kiến giữ tỷ lệ LLR trên mức 100% trong năm 2026.

- Tỷ lệ nợ nhóm 2 tăng 34 bps QoQ và đi ngang YoY, tương đương 0,71% tổng dư nợ. Theo Ban lãnh đạo, mức tăng này chủ yếu do ảnh hưởng của việc phân loại nợ liên đới theo CIC, trong khi tỷ lệ nợ nhóm 2 theo dõi nội bộ của ACB vẫn ở mức thấp 0,4%, qua đó cho thấy không có sự suy giảm đáng kể về chất lượng tài sản cốt lõi. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

MCH: Retail Supreme, chiến lược đổi mới và các ngành hàng phụ trợ thúc đẩy mục tiêu tăng trưởng hai chữ số - Báo cáo ĐHCĐ & Báo cáo KQKD

* Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ của CTCP Hàng tiêu dùng Masan (MCH) vào ngày 24/04. Các điểm chính được ghi nhận như sau:

* Doanh thu: Doanh thu quý 1/2026 tăng 13% YoY (đạt 24% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi, phù hợp với kỳ vọng), so với kế hoạch tăng trưởng 11%-15% năm 2026 của MCH. Đây là mức tăng tốc đáng kể so với năm tài chính 2025 khi doanh thu giảm 1,1% YoY xuống 30,6 nghìn tỷ đồng. 2025 là lần đầu tiên công ty ghi nhận sự sụt giảm doanh thu trong nhiều năm gần đây, chủ yếu do chuyển đổi sang mô hình bán hàng trực tiếp cho các nhà bán lẻ và giảm sự phụ thuộc vào các kênh bán sỉ.

* Ngành hàng gia vị: Doanh thu ngành hàng gia vị tăng mạnh 17% YoY trong 2 tháng đầu năm 2026, đảo chiều so với mức giảm 7% và 6% lần lượt trong năm 2025 và trong quý 4/2025. Sự sụt giảm trong năm 2025 tập trung chủ yếu vào giai đoạn quý 2-quý 4 (-13% YoY cộng dồn) sau mức tăng trưởng mạnh trong quý 1 (+16%). Trong quý 1/2026, ngành hàng này chiếm 37% tổng doanh thu. MCH đã phục hồi sau những ảnh hưởng tiêu cực từ các tin tức lan truyền sai lệch về sản phẩm nước mắm, đồng thời hưởng lợi từ sự phục hồi của mô hình bán trực tiếp cho nhà bán lẻ. Doanh thu ngành hàng gia vị hiện đã đạt 26% dự báo năm 2026 của chúng tôi.

* Thực phẩm tiện lợi tăng 14% YoY (so với mức +2% trong năm tài chính 2025). Sản phẩm lẩu tự sôi cao cấp mới của MCH đã lần đầu tiên được giới thiệu tới công chúng tại ĐHCĐ.

* Hoá mỹ phẩm tăng tốc mạnh ở mức +34% (so với +8% trong năm tài chính 2025), nhờ các sản phẩm đổi mới được mở rộng từ giai đoạn thử nghiệm tại WCM sang kênh GT. Nước giặt Homey là thương hiệu thứ hai, sau nước giặt Chanté, cho thấy thành công của WCM trong việc hỗ trợ MCH thâm nhập thị trường cạnh tranh cao này

* Cà phê hòa tan tăng 9% YoY. Đồ uống đóng chai là điểm yếu duy nhất, giảm 3% – ban lãnh đạo cho biết Retail Supreme sẽ đẩy mạnh triển khai kênh tiêu dùng tại chỗ từ tháng 3 để khắc phục tình trạng này. Trong thời gian tới, MCH sẽ tái định vị thương hiệu Wakeup 247, trà Búp Non, ra mắt thêm một SKU trà và 2-3 SKU nước tăng lực mới trong quý 2, nhằm giúp tăng trưởng doanh thu đồ uống đóng chai trở lại mức 15%-20% trong quý 2/2026 và tiếp tục tăng tốc trong các giai đoạn sau.

* Hệ thống phân phối – Retail Supreme đang mở rộng nhanh chóng và thâm nhập sâu vào thị trường: Chiến lược Retail Supreme đặt mục tiêu đóng góp 30-40% tăng trưởng doanh thu và tiếp tục mở rộng trên bốn phương diện:

(i) Độ phủ: Đạt khoảng 430.000 điểm bán đang hoạt động (ASO) (+80% YoY) trên cả kênh tiêu dùng tại chỗ và mang về, so với mục tiêu 1 triệu điểm bán trong năm 2026 (đã đạt 42%); hiện đang mở rộng sang kênh tiêu dùng tại chỗ để thúc đẩy ngành hàng đồ uống từ tháng 3 trở đi.

(ii) Độ thâm nhập: Khoảng 33.000 ASO hiện đã kinh doanh toàn bộ danh mục sản phẩm của MCH (+50% YoY), so với mục tiêu 100.000 điểm bán;

(iii) Độ sâu danh mục: Đạt khoảng 5,4 SKU/đơn hàng (+85% YoY), so với mục tiêu 7,0 SKU; và

(iv) Hiệu quả triển khai: Khoảng 40.000 ASO đạt tiêu chuẩn "Cửa hàng hoàn hảo" (đúng vị trí, đúng diện tích trưng bày và đúng danh mục hàng hóa) so với mục tiêu 350.000 ASO.

(v) Retail Supreme đã mở rộng triển khai sang kênh tiêu dùng tại chỗ từ tháng 3, giúp ngành hàng đồ uống đóng chai đón đầu nhu cầu trong mùa cao điểm sắp tới và đặt nền tảng cho sự phục hồi của toàn ngành hàng trong giai đoạn còn lại của năm tài chính 2026. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

MSN: Lợi nhuận tăng mạnh nhờ tăng trưởng toàn diện của mảng tiêu dùng - bán lẻ và giá khoáng sản lập đỉnh lịch sử - Báo cáo ĐHCĐ & Báo cáo KQKD

Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ của CTCP Tập đoàn Masan vào ngày 24/04. Tại đại hội, MSN đã nhấn mạnh chủ đề "Đại Kết Nối" và "Hệ điều hành tiêu dùng" – đánh dấu giai đoạn tiếp theo trong việc tích hợp mảng bán lẻ, hàng tiêu dùng nhanh (FMCG) và công nghệ nhằm thúc đẩy tăng trưởng và củng cố vị thế cạnh tranh dẫn đầu. Dưới đây là các ghi nhận chính:

Kế hoạch năm 2026: Doanh thu thuần dự kiến đạt từ 93,5 nghìn tỷ đồng (+15% YoY) đến 98,0 nghìn tỷ đồng (+20% YoY) và LNST trước lợi ích CBTS dự kiến đạt từ 7,25 nghìn tỷ đồng (+7% YoY) đến 7,9 nghìn tỷ đồng (+17% YoY).

Mục tiêu các mảng kinh doanh năm 2026:

* WCM: Tăng trưởng doanh thu thuần đạt 15%–21% YoY; biên LNST báo cáo đạt 1,8%–3,0%; mở mới 1.000–1.500 cửa hàng. Tăng trưởng doanh thu của hàng hiện hữu (LFL) đạt mức từ một chữ số cao đến trung bình hai chữ số trên toàn bộ hệ thống của hàng hiện hữu, nhờ cải thiện quản lý danh mục hàng hóa, định giá linh hoạt và chuyển đổi số. Tỷ trọng doanh thu từ nhãn hiệu riêng WCM tăng từ 4% lên 7% trong 2026. Các mục tiêu giá định này phụ thuộc vào rủi ro triển khai mở cửa hàng và tâm lý tiêu dùng tại Việt Nam. Tỷ lệ hao hụt hiện ở mức 1,8% doanh thu tại các cửa hàng nông thôn và 3,5% tại khu vực đô thị.

* MCH: Tăng trưởng doanh thu thuần đạt 11%–15% YoY. Ngành hàng gia vị tăng trưởng ở mức hai chữ số thấp (phục hồi từ mức nền thấp của năm tài chính 2025); Nhóm thực phẩm tiện lợi duy trì đà tăng trưởng từ thấp đến trung bình hai chữ số. Đồ uống đóng chai tăng trưởng nhờ mở rộng kênh tiêu dùng tại chỗ Retail Supreme và các sản phẩm hỗ trợ sức khỏe – doanh thu dự kiến đạt mức tăng trưởng 15%–20% trong quý 2/2026 và tiếp tục tăng tốc trong các quý sau. Ngành hàng Chăm sóc cá nhân & gia đình (HPC) tận dụng đà tăng trưởng của Chanté và Homey, đẩy mạnh kênh truyền thống (GT). Mạng Kinh doanh quốc tế dự kiến duy trì mức tăng trưởng trung bình hai chữ số tại Mỹ, Đông Nam Á, Nhật Bản và EU. Retail Supreme dự kiến đóng góp 30%–40% tổng mức tăng trưởng, phần còn lại đến từ các danh mục sản phẩm mới của MCH. Các mục tiêu giá định này phụ thuộc vào hiệu quả của danh mục sản phẩm mới và tâm lý tiêu dùng.

* MML: Tăng trưởng doanh thu thuần đạt 9%–14% YoY; giá trị mỗi con heo thịt cải thiện 3%–5% lên mức khoảng 9,8 triệu đồng/con thông qua các sản phẩm giá trị gia tăng, tăng mức đóng góp từ kênh B2C và tối ưu hóa giá trị phụ phẩm. Tiếp tục đầu tư vào mạng thịt chế biến có biên lợi nhuận cao, với mục tiêu đóng góp khoảng hơn 50% vào doanh thu trong dài hạn; tăng cường cộng hưởng với WCM, đặc biệt là mở rộng thị phần thịt chế biến trong hệ thống WCM. Các mục tiêu giá định này phụ thuộc vào biến động chi phí đầu vào, tỷ lệ thành công của sản phẩm mới và tốc độ thâm nhập của thịt chế biến.

* PLH: Tăng trưởng doanh thu thuần đạt 22%–32% YoY; đặt mục tiêu đóng góp doanh thu từ mảng thực phẩm chiếm khoảng 11% tổng doanh thu. Tập trung mở rộng tại thị trường Hà Nội với 40–50 cửa hàng mới; cải thiện doanh thu trung bình ngày (ADS) và thời gian hoàn vốn của cửa hàng mới.

* MHT: Tăng trưởng doanh thu thuần đạt 60%–68% YoY do giá APT tăng gấp 10 lần trong giai đoạn tháng 01/2025 - 03/2026. Tập trung tối ưu hóa chi phí thông qua chương trình “Fit for Future”; tiếp tục giảm đòn bẩy tài chính trên bảng CĐKT, bao gồm việc tìm kiếm các đối tác chiến lược góp vốn cổ phần. Ngân sách năm 2026 của MHT giả định mức giá bình quân thấp hơn giá giao ngay trên thị trường, và vẫn phụ thuộc vào giá hàng hóa và các rủi ro đặc thù của ngành khai thác và chế biến.

Triển vọng trung và dài hạn theo Ban lãnh đạo

* MCH: Tăng trưởng doanh thu và LNST ở mức trung bình hai chữ số nhờ liên tục đổi mới các ngành hàng trọng yếu và đẩy mạnh thâm nhập vào các ngành hàng phụ trợ (một phần nhờ hệ thống WCM và Retail Supreme).

* WCM: Nghiên cứu tính khả thi của mô hình cửa hàng tiện lợi vào năm 2027; hướng tới quy mô 12.000 cửa hàng vào năm 2030 (so với khoảng 4.900 cửa hàng vào cuối quý 1/2026) nhờ sự gia tăng thâm nhập của kênh bán lẻ hiện đại (MT). Mục tiêu doanh thu 120 nghìn tỷ đồng và biên lợi nhuận ròng đạt 6% (so với 39 nghìn tỷ đồng và 1,3% biên lợi nhuận ròng năm 2025 – biên LN ròng được thúc đẩy bởi cải thiện hao hụt, tối ưu chi phí vận hành, logistics, biên lợi nhuận thương mại và mở rộng nhãn hàng riêng) với định giá 10 tỷ USD.

* MML: Dự kiến tăng tốc từ mức 20%–30% năm 2026 sang mức tăng trưởng bùng nổ khi xây dựng thương hiệu thành công và Retail Supreme thiết lập mạng lưới chuỗi cung ứng lạnh đủ lớn (phối hợp với WCM) để phân phối thịt mát đến các hộ gia đình Việt Nam. Về dài hạn, MML có thể đạt quy mô tương đương MCH bởi thị trường thịt tại Việt Nam có quy mô 15 tỷ USD.

* MHT: Nếu giá vonfram duy trì trên mức 1.500 USD/mtu, MHT có thể đạt vi thể tiền mặt ròng và chi trả cổ tức vào năm 2028 với LNST hàng năm dự kiến đạt 500 triệu USD.

* Công nghệ: Dự kiến tăng số lượng nhân sự từ 300 lên 400-500 trong trung hạn, hướng tới việc xây dựng đội ngũ chuyên gia khoa học dữ liệu và công nghệ bán lẻ-tiêu dùng hàng đầu thị trường. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

SAB: LNST sau lợi ích CĐTS phục hồi 49% YoY sau năm 2025 đầy biến động - Báo cáo KQKD

* Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (SAB) công bố KQKD quý 1/2026 với doanh thu thuần đạt 6,5 nghìn tỷ đồng (+11% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 1,2 nghìn tỷ đồng (+49% YoY), lần lượt đạt 25% và 27% dự báo cả năm, nhìn chung phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi.

* Doanh thu mảng bia tăng 11% YoY trong quý 1/2026, nhờ vào (1) nhu cầu tiêu thụ tăng mạnh, được hỗ trợ bởi kỳ nghỉ Tết diễn ra muộn, (2) cơ cấu sản phẩm cải thiện, (3) tác động từ đợt tăng giá bán áp dụng từ tháng 7/2025.

* Biên LN gộp mảng bia mở rộng 5,1 điểm % YoY, chủ yếu nhờ chi phí đại mạch (malt) thuận lợi, do mức giá phòng ngừa rủi ro (hedging) thấp hơn so với hợp đồng hedging giá cao của giai đoạn trước - yếu tố đã tạo áp lực lên Q1/2025. Trong khi đó, việc tăng giá lon nhôm vẫn chưa ảnh hưởng đáng kể đến biên lợi nhuận do SAB đã thực hiện phòng ngừa rủi ro trước đó.

* Tỷ lệ chi phí Quảng cáo & Khuyến mãi (A&P)/doanh thu mảng bia duy trì ở mức 7,4% (đi ngang YoY), qua đó cho thấy chi phí A&P tăng tương ứng với tăng trưởng doanh thu mảng bia, qua đó phản ánh các hoạt động tối ưu hóa chi phí của SAB.

* Thu nhập tài chính thuần tăng 64% YoY, chủ yếu do mức nền thấp trong quý 1/2025, tức thời điểm SAB ghi nhận khoản lỗ 85 tỷ đồng liên quan đến việc tái đánh giá tạm thời khoản đầu tư 21,8% cổ phần nắm giữ trước đó tại Sabibeco. Khoản lỗ này sau đó đã được hoàn nhập vào quý 3/2025 sau khi hoàn tất thủ tục. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

VRE: Lợi nhuận cho thuê bán lẻ duy trì ổn định; chuyển nhượng BĐS đầu tư không cốt lõi và doanh thu tài chính thúc đẩy tăng trưởng LNST sau lợi ích CĐTS quý 1/2026 - Báo cáo Gặp gỡ HĐQT & KQKD

* CTCP Vincom Retail (VRE) đã công bố KQKD quý 1/2026 với doanh thu điều chỉnh (bao gồm doanh thu từ việc chuyển nhượng một BĐS đầu tư không cốt lõi, không được ghi nhận trong doanh thu báo cáo) đạt 2,6 nghìn tỷ đồng (+11% QoQ và +21% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 1,6 nghìn tỷ đồng (-40% QoQ nhưng +36% YoY).

* Mức tăng trưởng mạnh YoY của LNST sau lợi ích CĐTS trong quý 1/2026 được thúc đẩy bởi (1) mức tăng 6% YoY của lợi nhuận gộp mảng cho thuê bán lẻ, (2) giao dịch chuyển nhượng một BĐS đầu tư không cốt lõi tại TP.HCM, đóng góp 280 tỷ đồng doanh thu và 185 tỷ đồng lợi nhuận gộp, và (3) mức tăng YoY của doanh thu tài chính. LNST sau lợi ích CĐTS quý 1/2026 ghi nhận mức giảm QoQ chủ yếu do mức nền so sánh cao trong quý 4/2025, khi công ty ghi nhận lợi nhuận đột biến từ chuyển nhượng cổ phần công ty Vincom NCT.

* Do KQKD quý 1/2026 hoàn thành 29% dự báo cả năm của chúng tôi, nên chúng tôi nhận thấy không có sự thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 hiện tại của chúng tôi (5,45 nghìn tỷ đồng; -15% YoY), dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* Mảng cho thuê bán lẻ: Quý 1/2026 tiếp tục ghi nhận KQKD khả quan, với doanh thu đạt 2,2 nghìn tỷ đồng (+1% QoQ, +9% YoY) và lợi nhuận gộp đạt 1,24 nghìn tỷ đồng (+4% QoQ, +6% YoY), cả hai kết quả này đều hoàn thành 23% dự báo năm 2026 của chúng tôi. Biên thu nhập hoạt động ròng (NOI) mảng cho thuê đạt 70,4% (+7,6 điểm % QoQ nhưng -2,8 điểm % YoY, chủ yếu do tăng chi phí lương và chi phí năng lượng). Tỷ lệ lấp đầy bình quân tại các trung tâm thương mại (TTTM) của VRE đạt 88,9% (+0,8 điểm % QoQ, +2,8 điểm % YoY), trong khi lượng khách đến các TTTM tăng 13% YoY.

*** Kế hoạch khai trương mới:**

- Năm 2026: Ban lãnh đạo đặt mục tiêu mở một Vincom Plaza (VCP) tại Wonder City Đan Phượng (Hà Nội; diện tích sàn cho thuê bán lẻ/GFA ~25.000 m2) trong quý 3/2026. Công ty cũng có kế hoạch khai trương khu phố thương mại J-Town tại Mỹ Lâm (Tuyên Quang) vào quý 4/2026, theo mô hình Vincom Collection.

- Năm 2027: 1 Vincom Mega Mall (VMM) tại Long An và tiềm năng nâng cấp VCP Cộng Hoà thành VMM Cộng Hoà ở TP.HCM.

- Năm 2028: Khoảng 3 đến 5 TTTM mới, tọa lạc tại Vinhomes Green Paradise, Global Gate Cổ Loa và Global Gate Hạ Long, song hành với tiến độ phát triển của tuyến đường sắt cao tốc.

* Theo ban lãnh đạo, VRE đã đặt cọc để đảm bảo khoảng 764.000 m2 GFA bán lẻ cho kế hoạch phát triển trong 5 năm tới, cùng với khoảng 980.000 m2 đang trong giai đoạn nghiên cứu khả thi. Trong khi đó, danh mục dự án khu phố thương mại Vincom Collection hiện có khoảng tổng 350 ha diện tích lô đất. Vui lòng xem thêm chi tiết về định hướng phát triển Vincom Collection trong [Báo cáo ĐHCĐ](#) của chúng tôi.

* Kế hoạch nâng cấp TTTM: Trong năm 2026, VRE sẽ tiếp tục nâng cấp và cải tạo các TTTM hiện hữu nhằm cải thiện tỷ lệ lấp đầy và thu hút khách thuê định vị cao hơn. Kế hoạch bao gồm nâng cấp VCP Đà Nẵng lên Vincom Center (VCC) và VCP Cộng Hoà lên VMM, cùng với công tác làm mới diện mạo ở VCP Hạ Long và VMM Times City.

* Mảng bán BĐS: Doanh thu (bao gồm 280 tỷ đồng từ giao dịch chuyển nhượng một BĐS đầu tư không cốt lõi) đã tăng lên mức 298 tỷ đồng từ mức nền rất thấp trong các quý trước. Trong năm 2026, ban lãnh đạo đặt kế hoạch cho tổng doanh thu bán BĐS ở mức 413 tỷ đồng, đã bao gồm giao dịch đã ghi nhận trong quý 1. Tổng doanh số bán BĐS chưa ghi nhận đạt 225 tỷ đồng, chủ yếu đến từ shophouse và phần nhà ở xã hội tại dự án Đông Hà (Quảng Trị). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

DXS: Kế hoạch năm 2026 với mục tiêu LNST sau lợi ích CĐTS tăng mạnh 50% YoY - Báo cáo ĐHCĐ

* Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ của CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh (DXS) vào ngày 24/04.

* Kế hoạch năm 2026: Cổ đông đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026 với mục tiêu đạt mức doanh thu 5,3 nghìn tỷ đồng (34% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS 527 tỷ đồng (+50% YoY) – tương ứng 133% và 141% dự báo cả năm của chúng tôi. DXS đã ghi nhận mức LNST sau lợi ích CĐTS tương đương 36% kế hoạch trong năm 2021, 28% trong năm 2022, 84% trong năm 2024 và 85% trong năm 2025, trong khi năm 2023 ghi nhận lỗ ròng.

* Chúng tôi cho rằng khoảng chênh lệch giữa kế hoạch năm 2026 của ban lãnh đạo và dự báo của chúng tôi (LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 dự phóng đạt 375 tỷ đồng; +7% YoY) chủ yếu đến từ giả định của công ty về sản lượng giao dịch môi giới và thời điểm ghi nhận doanh thu bán BĐS lạc quan hơn so với dự phóng của chúng tôi. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn nhận thấy sẽ không có thay đổi đáng kể đối với dự báo hiện tại dành cho DXS, dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết.

* Kế hoạch phân phối lợi nhuận: Cổ đông đã thông qua (1) kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 với 3% LNST sau lợi ích CĐTS được trích vào quỹ khen thưởng và phúc lợi, và không chia cổ tức; và (2) kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 bao gồm (i) 3% LNST sau lợi ích CĐTS trích vào quỹ khen thưởng và phúc lợi, (ii) thưởng bằng 10% phần LNST sau lợi ích CĐTS vượt kế hoạch đã phê duyệt cho cả HĐQT và Ban Điều hành, và (iii) đề xuất chi trả cổ tức ở mức 10% trên mệnh giá (10.000 đồng/cổ phiếu), bằng tiền mặt và/hoặc cổ tức bằng cổ phiếu. Cổ đông cũng ủy quyền cho HĐQT được tạm ứng cổ tức tiền mặt dựa trên KQKD, với mức tối đa là 10% vốn điều lệ.

* Cổ đông đã thông qua việc tái bầu ông Nguyễn Trường Sơn và ông Trần Thanh Tân vào HĐQT nhiệm kỳ 2026-2030, sau khi nhiệm kỳ 2021-2025 của hai ông kết thúc.

Việc phân phối dự án The Privé và mảng phát triển BĐS sẽ hỗ trợ đà tăng trưởng của lợi nhuận trong năm 2026. Ban lãnh đạo nêu ra ba động lực chính hỗ trợ cho kế hoạch tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ của DXS trong năm 2026, bao gồm: (1) phân phối môi giới cho dự án The Privé (do công ty mẹ DXG phát triển); (2) đẩy mạnh các hoạt động phát triển dự án riêng của DXS; và (3) dự kiến ghi nhận lợi nhuận từ một số khoản đầu tư tại các công ty con. Ban lãnh đạo đánh giá mục tiêu này là khá tham vọng nhưng vẫn tương đối khả thi, nhờ được hỗ trợ bởi các động lực cụ thể, thay vì dựa trên kỳ vọng về điều kiện thị trường chung.

DXS đề ra 5 mảng dịch vụ cốt lõi sau đợt tái định vị thương hiệu ở cấp tập đoàn: Là một phần trong chiến lược tái định vị thương hiệu của DXG, thương hiệu Đất Xanh sẽ được định hướng tập trung vào mảng dịch vụ BĐS. DXS đề ra 5 mảng dịch vụ cốt lõi gồm: (1) phân phối dự án trên thị trường sơ cấp, (2) môi giới thị trường thứ cấp, (3) quản lý và vận hành BĐS, (4) dịch vụ cho thuê trong các phân khúc bán lẻ, văn phòng và KCN, và (5) các giải pháp công nghệ bất động sản (proptech). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

HDC: Kế hoạch LNST năm 2026 giảm 23% YoY từ mức nền cao; dự kiến phát hành trái phiếu trong nước; triển vọng doanh số bán BĐS cải thiện - Báo cáo ĐHCĐ

Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ của CTCP Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu (HDC) diễn ra vào ngày 24/04.

* Kế hoạch năm 2026: Cổ đông đã thông qua kế hoạch năm 2026 của ban lãnh đạo với mục tiêu doanh thu (bao gồm doanh thu tài chính) đạt 1,96 nghìn tỷ đồng (+48% YoY) và LNST đạt 493 tỷ đồng (-23% từ mức nền cao của năm 2025), chủ yếu được thúc đẩy bởi việc chuyển nhượng dự án Thống Nhất và hoạt động bàn giao tại Ngọc Tước 2, The Light City Giai đoạn 1 (P1) và Eco Home 1.

* Các mức kế hoạch này cao hơn 55% và 57% so với dự báo tương ứng của chúng tôi, mà chúng tôi cho rằng nguyên nhân chủ yếu đến từ kỳ vọng cao hơn của công ty đối với việc ghi nhận doanh số bán BĐS mới, so với dự phóng của chúng tôi. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng sẽ không có sự thay đổi đáng kể đối với các dự báo hiện tại của chúng tôi, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* Kết quả LNST của HDC trong các năm 2022/2023/2024/2025 lần lượt hoàn thành 98%/27%/16%/151% kế hoạch được đặt ra vào đầu mỗi năm. Chúng tôi lưu ý rằng công ty ghi nhận mức nền lợi nhuận cao trong năm 2025, được hỗ trợ bởi khoản lãi trước thuế tổng cộng 853 tỷ đồng từ hoạt động thoái vốn cổ phần khỏi dự án Đại Dương.

* Kế hoạch cổ tức: Cổ đông đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho năm tài chính 2025 với tỷ lệ 15% và kế hoạch chi trả cổ tức bằng cổ phiếu, cũng với tỷ lệ 15%, cho năm tài chính 2026.

* Kế hoạch phát hành trái phiếu: Cổ đông đã thông qua kế hoạch chào bán trái phiếu riêng lẻ với tổng giá trị tối đa 1,0 nghìn tỷ đồng trong giai đoạn 2026-2027 (trước ĐHCĐ năm 2027). Mục đích sử dụng vốn dự kiến để tài trợ cho dự án Phước Thắng và Long Điền.

* Kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2026-2030: Ban lãnh đạo đã đưa ra các mục tiêu chính cho giai đoạn 5 năm, bao gồm (i) tiếp tục phát triển các dự án BĐS nhà ở và BĐS nghỉ dưỡng trong danh mục hiện hữu, (ii) mở rộng mảng KCN với kế hoạch đầu tư vào 4 cụm công nghiệp (CCN) và 1 KCN, và (iii) mở rộng quỹ đất. Ban lãnh đạo đặt mục tiêu đạt mức LNST 914 tỷ đồng đến năm 2030, tương ứng với mức CAGR giai đoạn 2026-2030 là 17%.

* Kế hoạch cho các dự án trọng điểm trong năm 2026:

- The Light City Giai đoạn 1: Hoàn tất giấy phép bán hàng cho giai đoạn mới, tiếp tục xây dựng và tiến hành bàn giao.

- Ngọc Tước 2: Tiếp tục triển khai xây dựng.

- West 3/2: Hoàn tất điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500, hoàn tất nộp tiền sử dụng đất, nhận chuyển nhượng thêm đất và tiếp tục thi công.

- Ecotown Phú Mỹ (nhà ở xã hội Eco Home): Thực hiện mở bán BDS cho dự án Eco Home 1 và xin giấy phép xây dựng để khởi công giai đoạn 2.
- Thống Nhất: Hoàn tất chuyển nhượng dự án cho CTCP Xây lắp Thừa Thiên Huế (HOSE: HUB).
- Các dự án khác: Tiếp tục hoàn thiện thủ tục pháp lý.

Dự kiến triển khai bán hàng cho nhiều dự án trong năm 2026, đặc biệt là The Light City P1 và Eco Home 1. Đối với các dự án đang triển khai, ban lãnh đạo dự kiến sẽ mở bán The Light City P1 với khoảng 100 căn, Tây 3/2 với khoảng 40 căn, cũng như Ngọc Tước 2, tùy thuộc vào tiến độ pháp lý và điều kiện thị trường. Eco Home 1 (nhà ở xã hội với 340 căn hộ), đã được cấp giấy phép bán hàng vào tháng 4/2026, dự kiến sẽ được mở bán. Đối với các dự án trung hạn như Trần Phú, Đông 3/2 (HODECO Sea Village) và The Light City P2, công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện thủ tục pháp lý, với mục tiêu khởi công từ năm 2027. Hiện chúng tôi dự báo doanh số bán BDS năm 2026 của HDC sẽ đạt 1,1 nghìn tỷ đồng (gấp 3,6 lần so với ước tính của chúng tôi cho năm 2025), chủ yếu được hỗ trợ bởi mở bán giai đoạn tiếp theo của The Light City P1 và đợt mở bán mới của dự án Eco Home 1.

Doanh số bán BDS, dòng tiền thoái vốn, tài trợ ngân hàng và kế hoạch phát hành trái phiếu sẽ hỗ trợ nguồn vốn trong năm 2026. Để cải thiện dòng tiền, các ưu tiên ngắn hạn của ban lãnh đạo bao gồm đẩy nhanh hoạt động mở bán tại các dự án đang triển khai (The Light City P1 và Ngọc Tước 2), đồng thời mở bán Eco Home 1 để có dòng tiền từ bán hàng, cùng với hoàn tất thu phần tiền còn lại từ chuyển nhượng dự án Đại Dương khoảng 290 tỷ đồng, bên cạnh việc tiếp tục vay ngân hàng. Ban lãnh đạo cũng có kế hoạch phát hành tối đa 1 nghìn tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ, với thời điểm triển khai phụ thuộc vào điều kiện thị trường.

HDC đang đánh giá khả năng mở rộng sang BDS KCN như một mảng tăng trưởng dài hạn tiềm năng với dòng tiền thu ổn định hơn. Công ty đã làm việc với cơ quan địa phương về đề xuất phát triển các CCN tiềm năng và hiện đang thực hiện các thủ tục pháp lý để xin phê duyệt cho 4 CCN tại Tây Ninh và Bình Dương (tổng diện tích hơn 300 ha). Tổng vốn đầu tư ước tính cho mỗi CCN là khoảng 500 tỷ đồng, trong đó khoảng 15% bằng vốn chủ sở hữu và phần còn lại được tài trợ bằng tín dụng ngân hàng. Ban lãnh đạo cho biết việc triển khai dự án sẽ phụ thuộc vào tiến độ phê duyệt và khả năng huy động vốn của công ty. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

IDC: Kế hoạch LNTT năm 2026 đi ngang, trong khi doanh số cho thuê đất KCN dự kiến phục hồi 32% YoY - Báo cáo ĐHCĐ

* Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ của Tổng Công ty IDICO (IDC) vào ngày 24/04.

* Kế hoạch năm 2026: Cổ đông đã thông qua kế hoạch tổng doanh thu năm 2026 (bao gồm doanh thu thuần, doanh thu tài chính và thu nhập khác) ở mức 9,5 nghìn tỷ đồng (+5% YoY) và LNTT ở mức 2,9 nghìn tỷ đồng (đi ngang YoY), nhìn chung phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi (tương ứng 99% và 96% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

* IDC đã hoàn thành lần lượt 112%/81%/120%/112% kế hoạch LNTT các năm 2022/2023/2024/2025, qua đó phản ánh thành tích thực thi nhìn chung rất tích cực.

* IDC đặt kế hoạch cho doanh số cho thuê đất KCN năm 2026 ở mức 100 ha (so với khoảng 76 ha trong năm 2025), phù hợp với dự báo 100 ha của chúng tôi. Ngoài ra, IDC đặt mục tiêu xây dựng khoảng 100.000 m² nhà xưởng/kho bãi xây sẵn (RBF/RBW) mới để đưa vào vận hành thương mại, dựa trên nền tảng diện tích RBF/RBW đã cho thuê hiện hữu khoảng 100.000 m² tính đến cuối năm 2025.

* Chúng tôi kỳ vọng sẽ không có sự thay đổi đáng kể đối với dự báo hiện tại dành cho IDC và tiếp tục kỳ vọng doanh số cho thuê đất KCN sẽ phục hồi mạnh trong năm 2026, nhờ được hỗ trợ bởi quỹ đất sẵn sàng cho thuê quy mô lớn và các dự án mới được mở bán.

* Kế hoạch cổ tức: Cổ đông đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức cho năm tài chính 2025 ở mức 40% trên mệnh giá (30% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu; mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu;

trong đó 15% cổ tức tạm ứng đã được chi trả bằng tiền mặt), và kế hoạch chi trả cổ tức cho năm tài chính 2026 ở mức 40% trên mệnh giá bằng tiền mặt và/hoặc cổ phiếu. Hiện tại, chúng tôi giả định cổ tức tiền mặt sẽ ở mức 2.000 đồng/cổ phiếu cho năm tài chính 2025 và 2.500 đồng/cổ phiếu cho năm tài chính 2026.

Các KCN mới được mở bán sẽ hỗ trợ đa phục hồi doanh số cho thuê đất KCN trong năm 2026. Ban lãnh đạo cho biết cả KCN Tân Phước 1 (tổng diện tích 470 ha; Đồng Tháp) và KCN Vĩnh Quang Giai đoạn 1 (226 ha; Hải Phòng) đều dự kiến bắt đầu mở bán từ quý 4/2026, do cả hai dự án hiện đang được triển khai xây dựng, với công tác đền bù đất giai đoạn 1 đã hoàn tất lần lượt khoảng 360 ha và 160 ha. Bên cạnh các dự án KCN mới được mở bán, IDC hiện đang sở hữu quỹ đất sẵn sàng cho thuê lớn tại các vị trí chiến lược trải dài ở cả miền Bắc và miền Nam (Quế Võ 2 và Cầu Ngàn ở miền Bắc; Phú Mỹ 2, Phú Mỹ 2 Mở rộng, Mỹ Xuân B1 Mở rộng và Hựu Thạnh ở miền Nam), qua đó dự kiến sẽ giúp hỗ trợ cho đa phục hồi doanh số cho thuê đất KCN của công ty.

Đẩy mạnh mảng RBF/RBW và điện mặt trời áp mái để đa dạng hóa nguồn thu. Ban lãnh đạo xác định mảng RBF/RBW là một trọng tâm chiến lược quan trọng, do khách thuê ngày càng có xu hướng ưu tiên diện tích thuê ban đầu nhỏ hơn và thời hạn thuê ngắn hơn trong bối cảnh môi trường địa chính trị gặp nhiều biến động hơn. Công ty đặt mục tiêu nâng tổng diện tích RBF/RBW cho thuê lên khoảng 1 triệu m² trong 3-5 năm tới. Ở mảng năng lượng, IDC đặt mục tiêu sẽ bổ sung thêm 20-30 MWp công suất điện mặt trời áp mái trong năm 2026, trên nền công suất đang vận hành (khoảng 13 MWp) tính đến cuối năm 2025, kết hợp với các nhà máy thủy điện hiện hữu và các biên bản ghi nhớ (MOU) vừa ký với các công ty trong hệ sinh thái Vingroup (VinEnerg, VinFast, V-Green, Green SM; nhằm nghiên cứu triển khai các giải pháp năng lượng sạch và di chuyển xanh trên toàn bộ các KCN của IDC trên cả nước); điều này có thể tiếp tục củng cố hệ sinh thái năng lượng của công ty như một nguồn doanh thu bổ trợ. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

NKG: Kế hoạch tăng trưởng LNTT và sản lượng bán đầy tham vọng, lần lượt ở mức tăng 66% và 41% YoY - Báo cáo ĐHCĐ

1. Kế hoạch kinh doanh năm 2026:

- Trong ĐHCĐ, CTCP Thép Nam Kim (NKG) đã đưa ra kế hoạch kinh doanh năm 2026 đầy tham vọng (thể hiện trong Hình 1).
- LNTT được đặt mục tiêu sẽ tăng trưởng ở mức 66% YoY trong năm 2026, chủ yếu nhờ đa tăng trưởng doanh thu mạnh (được dẫn dắt bởi sản lượng), cùng với kỳ vọng biên lợi nhuận sẽ tăng nhẹ nhờ mức giá bán đầu ra cao hơn.
- Theo ban lãnh đạo, kế hoạch kinh doanh lạc quan này đã bao gồm phần đóng góp từ dự án Nam Kim Phú Mỹ, dự kiến sẽ bắt đầu đi vào hoạt động trong quý 3/2026.
- Theo quan điểm của chúng tôi, kế hoạch này nhìn chung khá tham vọng, đặc biệt là mục tiêu tăng trưởng sản lượng bán 41% YoY, trong bối cảnh môi trường xuất khẩu đầy thách thức và cạnh tranh trong nước ngày càng gay gắt tại thị trường tôn mạ hạ nguồn (vốn đang dư cung). Dữ liệu từ Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA) cho thấy sản lượng bán trong giai đoạn 2 tháng đầu năm (2T 2026) của NKG đã đạt khoảng 88.100 tấn, giảm 30% YoY – điều này khiến khả năng hoàn thành mục tiêu cả năm phụ thuộc lớn vào việc nhà máy mới có thể tăng công suất nhanh, hiệu quả và ghi nhận lợi nhuận đến mức nào.

Hình 1: Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của NKG

	2025	Kế hoạch 2026	Dự báo 2026	Kế hoạch 2026 YoY	Kế hoạch 2026/ dự báo 2026
Sản lượng bán (tấn)	781.506	1.100.000	1.250.252	41%	88%
Giá bán trung bình tương ứng (triệu đồng/tấn)	19,1	20	21,7	5%	92%
Doanh thu (tỷ đồng)	14.899	22.000	27.132	48%	81%
LNTT (tỷ đồng)	241	400	596	66%	67%
Biên LNTT tương ứng	1,6%	1,8%	2,2%		

Nguồn: NKG, Vietcap. Chúng tôi lưu ý rằng hiện tại chúng tôi nhận thấy rủi ro giảm đối với dự báo năm 2026 do kết quả năm 2025 yếu hơn đáng kể so với kỳ vọng.

Hình 2: Mức độ hoàn thành kế hoạch trong quá khứ của NKG

Thực tế/ Kế hoạch	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Sản lượng bán	78%	100%	120%	78%	92%	101%	74%
Doanh thu	79%	96%	176%	82%	93%	98%	65%
LNTT					29%	108%	55%
LNST	16%	148%	371%	-4%			

Nguồn: NKG, Vietcap. Kể từ năm 2023, NKG đã thay đổi cơ sở mục tiêu lợi nhuận từ LNST sang LNTT.

2. Dự án tôn mạ Nam Kim Phú Mỹ:

- Dự án hiện được công ty kỳ vọng sẽ bắt đầu vận hành trong quý 3/2026 – chậm hơn nửa năm so với lộ trình quý 1/2026 được ban lãnh đạo đưa ra vào năm ngoái.

- Tổng vốn đầu tư XD CB: 6,2 nghìn tỷ đồng.

- Công suất: 1,3 triệu tấn/năm.

- Nhà máy sẽ sản xuất tôn chất lượng cao dùng cho thiết bị gia dụng, ô tô và các ứng dụng máy móc công nghiệp.

- Ban lãnh đạo nhấn mạnh rằng sản phẩm này khác phân khúc so với tôn mạ truyền thống – vốn chủ yếu được sử dụng trong xây dựng và hiện vẫn là dòng sản phẩm thép dẹt chủ lực tại thị trường trong nước. Ban lãnh đạo cho biết mức độ cạnh tranh hiện tại trong phân khúc này còn hạn chế và bày tỏ triển vọng tích cực đối với nhà máy, tuy nhiên chưa cung cấp thêm chi tiết về các thông tin tài chính của dự án.

3. Ban lãnh đạo cho biết KQKD quý 1 yếu và KQKD quý 2 sẽ tích cực hơn:

- Ban lãnh đạo không công bố chi tiết về KQKD sơ bộ quý 1/2026. Tuy nhiên, ban lãnh đạo cho biết cả doanh thu và lợi nhuận trong quý đều tương đối yếu.

- Quý 2 được kỳ vọng sẽ ghi nhận kết quả tích cực hơn, nhờ sự gia tăng của giá thép, do lạm phát chi phí đẩy từ xung đột Trung Đông hỗ trợ môi trường giá bán – nhìn chung phù hợp với quan điểm hiện tại của chúng tôi.

- Chúng tôi lưu ý rằng mức tăng này của giá thép nhiều khả năng chỉ là một yếu tố hỗ trợ ngắn hạn, phụ thuộc vào việc giá thép duy trì ở mức cao trong bao lâu do gián đoạn chuỗi cung ứng từ xung đột Trung Đông. Khi gián đoạn nguồn cung được giải quyết và giá quay về mức bình thường, áp lực lên lợi nhuận nhiều khả năng sẽ quay trở lại. Phân tích chi tiết hơn về tác động của xung đột Trung Đông đối với các nhà sản xuất thép tại Việt Nam có trong trang 11-12 của [Báo cáo cập nhật HPG](#) mới nhất (ngày 08/04/2026) của chúng tôi.

4. Phân phối lợi nhuận năm tài chính 2025:

- Trích quỹ dự trữ: 2% LNST.
- Trích quỹ đầu tư phát triển: 3% LNST.
- Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi: 5% LNST.
- Cổ tức bằng cổ phiếu: 10% (tức nhận 10 cổ phiếu mới cho mỗi 100 cổ phiếu đang sở hữu).

5. ESOP:

- Lượng phát hành: 6 triệu cổ phiếu (1,34% số cổ phiếu đang lưu hành hiện tại).
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: 50% số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong 1 năm; 50% còn lại bị hạn chế chuyển nhượng trong 2 năm.
- Thời gian thực hiện dự kiến: Trong năm 2026 và/hoặc 2027 sau khi nhận được phê duyệt từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN).

6. Phát hành quyền mua:

- Tỷ lệ: 25% (tức được quyền mua 1 cổ phiếu mới cho mỗi 4 cổ phiếu đang sở hữu).
- Giá chào bán: 12.000 đồng/cổ phiếu.
- Tổng số tiền dự kiến thu được: gần 1,5 nghìn tỷ đồng.
- Mục đích: Tăng vốn góp vào dự án Nam Kim Phú Mỹ để dự án có thể (1) tài trợ cho dự án đầu tư, và/hoặc (2) bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT xây dựng kế hoạch sử dụng vốn chi tiết và lịch trình giải ngân.
- Thời gian dự kiến thực hiện: Trong năm 2026 và/hoặc 2027 sau khi nhận được phê duyệt từ UBCKNN. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

OIL: Biến động lợi nhuận ngắn hạn; các động lực tăng trưởng cấu trúc vẫn được duy trì - Báo cáo ĐHCĐ & Gặp gỡ NĐT

* Chúng tôi đã tham dự buổi gặp gỡ NĐT của Tổng Công ty Dầu Việt Nam (OIL) vào ngày 21/04/2026 và ĐHCĐ vào ngày 24/04/2026. Nhìn chung, ban lãnh đạo nhấn mạnh sự biến động lợi nhuận trong ngắn hạn do biến động giá dầu và các tác động từ hàng tồn kho, đồng thời tái khẳng định sự tự tin trong việc đạt được các mục tiêu cả năm, được hỗ trợ bởi tăng trưởng sản lượng, mở rộng mạng lưới và đa dạng hóa sang các lĩnh vực ngoài dầu khí (ví dụ: trạm sạc xe điện).

* Cổ đông đã thông qua kế hoạch năm 2026 với LNST trước lợi ích CĐTTS là 656 tỷ đồng (+30% YoY; +5,1% so với kế hoạch 2025; 96% dự báo năm 2026 của chúng tôi), nhìn chung phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi.

* OIL chia sẻ LNTT sơ bộ quý 1 là 600 tỷ đồng (+94% YoY; 71% dự báo năm 2026 của chúng tôi), nhờ lợi nhuận từ hàng tồn kho giá thấp trong bối cảnh giá dầu cao và sản lượng bán hàng tích cực. Tuy nhiên, sự điều chỉnh mạnh của giá dầu trong tháng 4, kết hợp với yêu cầu tồn kho 20 ngày, đã dẫn đến các khoản lỗ hàng tồn kho đáng kể. Theo đó, LNTT 4T 2026 giảm xuống còn 200 tỷ đồng (-44% YoY; 24% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

* Cổ đông đã thông qua cổ tức tiền mặt năm 2025 là 250 đồng/cổ phiếu và cổ tức tiền mặt năm 2026 là 300 đồng/cổ phiếu, so với dự báo hiện tại của chúng tôi lần lượt là 100 đồng/cổ phiếu và 300 đồng/cổ phiếu.

* PVOIL cho biết họ tiếp tục giải quyết các vấn đề liên quan đến ý kiến kiểm toán, đặc biệt là các khoản dự phòng liên quan đến dự án nhiên liệu sinh học Phú Thọ. Công ty đặt mục tiêu niêm yết trên HOSE sớm nhất vào năm 2027, tùy thuộc vào việc giải quyết các vấn đề tồn đọng này.

* Quan điểm của chúng tôi: Mặc dù kết quả 4 tháng đầu năm thấp hơn kỳ vọng (24% dự báo năm 2026 của chúng tôi), chúng tôi nhận thấy không có thay đổi đáng kể nào đối với dự báo của chúng tôi cho OIL do ban lãnh đạo vẫn tự tin vào việc đạt kết quả bằng hoặc cao hơn kế hoạch cả năm (tương đương 96% dự báo năm 2026 của chúng tôi). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

PLX: Lợi nhuận quý 1 chịu tác động bởi biến động giá dầu; chuyển dịch năng lượng thông qua mảng kinh doanh mới là chiến lược dài hạn - Báo cáo ĐHCĐ

* Chúng tôi đã tham dự Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (PLX) vào ngày 24/04/2026. Nhìn chung, Ban lãnh đạo thừa nhận các khoản lỗ ngắn hạn trong mảng xăng dầu cốt lõi do giá dầu biến động mạnh, đồng thời tái khẳng định cam kết đạt mục tiêu lợi nhuận cả năm và đảm bảo an ninh nguồn cung. Ban lãnh đạo cũng công bố chiến lược mới nhằm đa dạng hóa lợi nhuận thông qua các sáng kiến chuyển dịch năng lượng, bao gồm việc ra mắt công ty pin & xe điện (EV) vào đầu tháng 5, hợp tác với một nhà đầu tư chiến lược uy tín.

* Chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo lợi nhuận năm 2026 do KQKD quý 1 thấp hơn kỳ vọng. Tuy nhiên, tăng trưởng sản lượng được định hướng ở mức trung bình 7%/năm trong giai đoạn 2026-2030 (so với dự báo khoảng 4%/năm của chúng tôi), và mảng pin & EV có thể mang lại tiềm năng tăng trưởng cho dự báo lợi nhuận dài hạn của chúng tôi, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* Trong trường hợp nguồn cung trong nước từ NSRP suy giảm, PLX khẳng định có thể nhanh chóng tăng cường nhập khẩu nhờ độ uy tín quốc tế mạnh mẽ và mạng lưới nhà cung cấp toàn cầu sâu rộng.

* Cổ đông đã thông qua kế hoạch LNTT năm 2026 ở mức 3.380 tỷ đồng (-7,8% YoY; +5,6% so với kế hoạch năm 2025; đạt 74% dự báo năm 2026 của chúng tôi), thấp hơn kỳ vọng.

* PLX chưa công bố kết quả sơ bộ hợp nhất quý 1, nhưng cho biết mảng xăng dầu cốt lõi lỗ 1.000 tỷ đồng, do lỗ tồn kho lớn trong bối cảnh giá dầu diesel trên sàn Platts Singapore giảm khoảng 40% từ cuối tháng 3. Chúng tôi ước tính LNST hợp nhất có thể lỗ khoảng 600-700 tỷ đồng, được bù đắp một phần bởi lợi nhuận từ các mảng ngoài cốt lõi (khoảng 300-400 tỷ đồng). Kết quả này thấp hơn mức kỳ vọng của chúng tôi và cho thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo hiện tại, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* Cổ đông đã thông qua cổ tức tiền mặt năm 2025 là 1.200 đồng/CP và định hướng cổ tức năm 2026 là 1.000 đồng/CP, lần lượt thấp hơn dự báo 1.500 đồng/CP và 2.000 đồng/CP của chúng tôi, qua đó cho thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với các dự phóng cổ tức của chúng tôi.

* Về yêu cầu tỷ lệ cổ phiếu tự do chuyển nhượng tối thiểu 10% theo Luật Chứng khoán (so với mức 9,41% hiện tại), Ban lãnh đạo đã đưa ra các giải pháp tiềm năng, bao gồm (1) bán cổ phiếu quỹ để tăng tỷ lệ cổ phiếu tự do chuyển nhượng và (2) Phương án Nhà nước thoái vốn để giảm tỷ lệ sở hữu. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

SAB: Kế hoạch LNST năm 2026 tăng 8% YoY với KQKD quý 1 tích cực - Báo cáo ĐHCĐ

* Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ của Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (SAB) tổ chức tại TP.HCM vào ngày 23/04/2026.

* Cổ đông đã thông qua kế hoạch năm 2026 của công ty, bao gồm doanh thu thuần đạt 29 nghìn tỷ đồng (+12% YoY) và LNST đạt 4,9 nghìn tỷ đồng (+8% YoY). Các mục tiêu này lần lượt tương ứng với 98% và 106% dự báo cả năm của chúng tôi.

* ĐHCĐ đã thông qua mức cổ tức bằng tiền mặt cho năm tài chính 2025 là 5.000 đồng/cổ phiếu (lợi suất cổ tức 10%). SAB đã tạm ứng 2.000 đồng/cổ phiếu vào tháng 2/2026; phần còn lại 3.000 đồng/cổ phiếu sẽ được thực hiện theo lịch trình: (1) Ngày chốt danh sách: 29/07/2026 và (2) Ngày thanh toán dự kiến: 28/08/2026. Cổ đông cũng thông qua kế hoạch cổ tức tiền mặt cho năm 2026 là 5.000 VNĐ/cổ phiếu.

* KQKD quý 1/2026: Doanh thu đạt 6,5 nghìn tỷ đồng (+11% YoY; đạt 25% dự báo cả năm của chúng tôi) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 1,2 nghìn tỷ VNĐ (+49% YoY; đạt 27% dự báo cả năm của chúng tôi). Đà tăng trưởng mạnh trong quý 1 đến từ (1) nhu cầu tiêu thụ tăng mạnh được hỗ trợ bởi hiệu ứng kỳ nghỉ Tết diễn ra muộn, (2) cơ cấu sản phẩm cải thiện, (3) hưởng lợi từ đợt tăng giá bán tháng 7/2025, và (4) giá vốn hàng bán thấp, chủ yếu nhờ việc phòng ngừa rủi ro (hedging) giá đại mạch (malt) thuận lợi so với mức giá malt cao từng gây áp lực lên quý 1/2025, trong khi việc tăng giá lon nhôm vẫn chưa ảnh hưởng đến biên lợi nhuận do SAB đã thực hiện phòng ngừa rủi ro trước đó. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

VTP: Kế hoạch LNST đi ngang trong năm 2026 trong bối cảnh tiếp tục mở rộng hoạt động logistics xuyên biên giới và logistics tích hợp - Báo cáo ĐHCĐ

Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ của Tổng Công ty cổ phần Bưu chính Viettel (VTP) tại Hà Nội vào ngày 23/04/2026.

ĐHCĐ đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026 bao gồm tổng thu nhập: 19,5 nghìn tỷ đồng (-6% YoY; *bao gồm doanh thu, thu nhập tài chính và thu nhập khác) và LNST: 400 tỷ đồng (-1% YoY). Trong 7 năm qua, kết quả LNST của VTP đã ghi nhận ở mức thấp hơn trung bình 15% so với kế hoạch do công ty để ra.

Cổ đông đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức bằng cổ phiếu ở mức 17,3% cho năm tài chính 2025 (sau phát hành quyền mua), nhìn chung phù hợp với kế hoạch do ban lãnh đạo chia sẻ tại buổi họp gặp gỡ nhà đầu tư trước đó là không chi trả cổ tức tiền mặt nhằm phục vụ hoạt động mở rộng hạ tầng.

1) Kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2026-2030: Ban lãnh đạo đã trình bày lộ trình giai đoạn 2026-2030, với mục tiêu doanh thu đạt 65-80 nghìn tỷ đồng vào năm 2030 (tương ứng CAGR giai đoạn 2025-2030 ở mức khoảng 26%-31%). Nhắc lại từ buổi họp gặp gỡ nhà đầu tư trước đó, đà tăng trưởng được dẫn dắt bởi 5 trụ cột cốt lõi của VTP, trong đó dịch vụ chuyển phát dự kiến sẽ tăng trưởng khoảng 20%/năm, trong khi các mảng kho bãi, vận tải, thương mại/dịch vụ và hoạt động kinh doanh ở nước ngoài được kỳ vọng sẽ tăng trưởng khoảng 50%-70%/năm. Ban lãnh đạo cũng cho biết vận tải và kho bãi sẽ đóng vai trò lớn hơn trong cơ cấu doanh thu, với tỷ trọng đóng góp cộng gộp dự kiến tăng từ mức 12% hiện tại lên 30% vào năm 2030.

2) Logistics xuyên biên giới: Ban lãnh đạo mô tả hoạt động logistics xuyên biên giới như một nền tảng tích hợp thay vì tập hợp các dự án riêng lẻ. Trọng tâm là thúc đẩy dòng chảy thương mại hai chiều – giúp người bán Việt Nam xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài đồng thời hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước tìm kiếm nguồn hàng và nhập khẩu, đặc biệt từ các thị trường lân cận. Nội dung thảo luận tập trung vào các dự án chính dưới đây:

- Công viên logistics Lạng Sơn: Được định vị là trọng tâm câu chuyện tăng trưởng chiến lược của hoạt động logistics xuyên biên giới. Ban lãnh đạo xác nhận dự án đang chuẩn bị chuyển sang Giai đoạn 2 để mở rộng thêm năng lực kho bãi và tăng cường kết nối với hạ tầng trong nước và hạ tầng của khẩu, với thời điểm triển khai còn phụ thuộc vào tiến độ pháp lý và giải phóng mặt bằng. Trong năm 2026, ban lãnh đạo đặt kế hoạch doanh thu ở mức 616 tỷ đồng và biên LNTT ở mức 2%, đồng thời lưu ý rằng biên lợi nhuận trong giai đoạn tới sẽ ở mức khiêm tốn do dự án vẫn đang trong giai đoạn đầu của quá trình mở rộng.

- Cửa khẩu thông minh: VTP đang tích cực tham gia vào các cơ hội liên quan đến quy trình đấu thầu cấp tỉnh cho các dự án của khẩu thông minh, hiện tập trung vào các tỉnh cửa ngõ trọng điểm ở miền Bắc, đặc biệt là Lạng Sơn, Quảng Ninh và Lào Cai. Mục tiêu là tham gia vào vận hành hạ tầng và công nghệ của mô hình cửa khẩu thông minh, thay vì chỉ hoạt động như một đơn vị vận tải.

- Kết nối giữa logistics Lạng Sơn và mạng lưới cửa khẩu thông minh: VTP có kế hoạch tích hợp logistics Lạng Sơn vào mạng lưới cửa khẩu thông minh rộng hơn, thay vì coi mỗi cửa khẩu là một dự án tách biệt. Kế hoạch bao gồm kết nối cảng cạn, đường sắt và hạ tầng logistics trong nước nhằm hình thành một hành lang vận tải đa phương thức hoàn chỉnh, mở rộng vượt ra ngoài hình thức vận tải đường bộ đơn thuần và hỗ trợ dòng chảy thương mại xuyên biên giới.

- Vipo Mall: Được mô tả như một nền tảng hỗ trợ tìm nguồn hàng và giao thương dành cho thương nhân và doanh nghiệp, bao gồm nhập khẩu hàng hóa nước ngoài và kết nối trực tiếp với các dịch vụ logistics xuyên biên giới của VTP. Giá trị giao dịch được định hướng ở mức 1-3 tỷ đồng/ngày. VTP kỳ vọng sẽ mở rộng sang mảng B2C vào tháng 5/2026, tùy thuộc vào sự phê duyệt của các cơ quan hải quan.

3) Hợp tác với FedEx: VTP gần đây đã thiết lập một quan hệ hợp tác quốc tế quan trọng với FedEx, bao phủ khoảng 2 triệu lô hàng mỗi năm (tương đương khoảng 26.000 tấn hàng hóa) với luồng hàng phủ rộng tới hơn 220 quốc gia, mang lại tiềm năng đóng góp doanh thu ở mức 400-500 tỷ đồng. Theo mô hình hợp tác này, VTP sẽ đảm nhiệm các chặng nội địa tại Việt Nam, bao gồm hoạt động gom hàng xuất khẩu và giao hàng chặng cuối đối với hàng nhập khẩu, qua đó củng cố năng lực logistics quốc tế và vượt ra ngoài hành lang xuyên biên giới Trung Quốc - Việt Nam.

4) Mở rộng ra nước ngoài: VTP đang mở rộng từ mảng logistics nội bộ liên quan đến Viettel sang dịch vụ chuyển phát nhanh ở nước ngoài, với thị trường Lào đã được triển khai từ tháng 10/2025 dưới thương hiệu Unitel Express, thị trường Campuchia dự kiến sẽ được triển khai trong quý 2/2026 dưới thương hiệu Metfone Express, và thị trường Myanmar hiện đang được lên kế hoạch trong năm 2026. Tại Trung Quốc, VTP sẽ tập trung vào hoạt động hỗ trợ thương mại xuyên biên giới, với Lạng Sơn là cửa ngõ chủ lực, thay vì tham gia mảng chuyển phát bưu kiện trong bối cảnh cạnh tranh ngành đang rất gay gắt.

5) Mảng dịch vụ chuyển phát:

- Bối cảnh thị trường: Ban lãnh đạo cho biết các nền tảng thương mại điện tử lớn hiện đang tiếp tục phân bổ phần lớn sản lượng bưu kiện cho các đơn vị chuyển phát liên kết hoặc đối tác ưu tiên, qua đó làm hạn chế khả năng tiếp cận của VTP với động lực tăng trưởng sản lượng do sản dẫn dắt. Tuy nhiên, Luật Thương mại điện tử sắp tới (dự kiến có hiệu lực từ 07/2026) được kỳ vọng sẽ trao cho người tiêu dùng và người bán quyền tự do lựa chọn đơn vị giao hàng nhiều hơn, thay vì bị nền tảng chỉ định một cách thụ động, qua đó sẽ hỗ trợ cho các đơn vị vận chuyển bên thứ ba như VTP.

- Tủ giao nhận thông minh (smart box): Ban lãnh đạo nhấn mạnh khoảng cách đáng kể về năng suất giao hàng chặng cuối giữa Việt Nam và Trung Quốc. Một nhân viên giao hàng tại Việt Nam hiện xử lý khoảng 80 bưu kiện/ngày, so với 1.000-1.200 bưu kiện/ngày tại Trung Quốc. Khoảng cách này chủ yếu phản ánh mức độ tự động hóa cao và hạ tầng tích hợp tại Trung Quốc, nơi hoạt động giao hàng ngày càng được hỗ trợ bởi hệ thống tủ khóa thông minh, giúp giảm chi phí giao hàng và tăng thông lượng. Ngược lại, hoạt động giao hàng chặng cuối tại Việt Nam vẫn phụ thuộc nhiều vào điều phối thủ công qua việc gọi điện thoại, dẫn đến thời gian chờ lâu hơn, số lượng bưu kiện trên mỗi lần chuyển phát thấp hơn, từ đó làm giảm hiệu quả tổng thể. Theo định hướng này, VTP có kế hoạch mở rộng mạng lưới tủ giao nhận thông minh, với chương trình thí điểm tại 5 thành phố lớn trong quý 2/2026 và dự kiến sẽ triển khai trên toàn quốc từ quý 4/2026, như một phần trong kế hoạch dài hạn nhằm cải thiện năng suất giao hàng và giảm chi phí đơn vị.

6) Kế hoạch huy động vốn: Ban lãnh đạo thừa nhận rằng nền tảng vốn hiện tại của VTP vẫn tương đối nhỏ so với quy mô các dự án logistics mà công ty hướng tới, hàm ý rằng công ty nhiều khả năng sẽ cần tiếp tục tăng vốn theo thời gian để hỗ trợ các khoản đầu tư hạ tầng quy mô lớn hơn. Ngoài ra, ban lãnh đạo cũng cho biết các khoản đầu tư từ Tập đoàn Viettel đóng vai trò quan trọng trong việc tài trợ cho các dự án hạ tầng chiến lược quy mô lớn, qua đó có thể giúp giảm áp lực vốn đầu tư XDCB cho VTP, đồng thời cho phép công ty phân bổ vốn hiệu quả hơn cho các ưu tiên mở rộng chiến lược khác. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

VPB: Lộ trình tăng trưởng vẫn đi đúng hướng; biên lãi ròng và chất lượng tài sản là những điểm cần theo dõi - Báo cáo Gặp gỡ NĐT

Chúng tôi đã tham dự buổi họp gặp gỡ nhà đầu tư quý 1/2026 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB) vào ngày 23/04/2026. Nhìn chung, ban lãnh đạo thừa nhận các rủi ro vĩ mô trong ngắn hạn nhưng vẫn duy trì quan điểm tích cực đối với triển vọng trung và dài hạn của Việt Nam, trong khi các xu hướng hoạt động nhìn chung vẫn đang đi đúng hướng. Theo quan điểm của chúng tôi, buổi họp tiếp tục củng cố kịch bản tăng trưởng cao của VPB, nhờ được hỗ trợ bởi mức tăng trưởng tín dụng và huy động vốn cao hơn mặt bằng toàn hệ thống, ngoài ra, ngân hàng cũng ghi đa tăng trưởng tốt từ các công ty con, đồng thời tiếp tục mở rộng hệ sinh thái với sự hỗ trợ mạnh mẽ từ SMBC. Các điểm mấu chốt cần theo dõi là việc giảm bớt áp lực chi phí vốn và kiểm soát chất lượng tài sản. Dưới đây là các điểm nổi bật mà chúng tôi ghi nhận được:

1. Quan điểm vĩ mô:

- Ban lãnh đạo hiện vẫn giữ quan điểm tương đối tích cực đối với bối cảnh vĩ mô: nền kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì khả năng chống chịu trong quý 1/2026, với đầu tư công và FDI được xem là hai động lực tăng trưởng chính cho phần còn lại của năm.
- Các điều kiện chính sách và môi trường hoạt động nhìn chung được đánh giá là tương đối thuận lợi: mức tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống mạnh sẽ tiếp tục hỗ trợ hoạt động kinh tế, trong khi các ngành du lịch và BĐS cũng đang ghi nhận sự cải thiện.
- Các rủi ro chính được xác định bao gồm thuế quan, giá hàng hóa suy yếu hơn, và lạm phát dẫn dắt bởi giá nhiên liệu; tuy nhiên, ban lãnh đạo kỳ vọng lạm phát sẽ vẫn nằm trong mức mục tiêu của Chính phủ, nhờ các biện pháp chính sách và điều kiện thanh khoản ổn định.

2. Tăng trưởng tín dụng

- Dư nợ cho vay tại ngân hàng mẹ tăng hơn 10% QoQ, vượt 1 triệu tỷ đồng; ban lãnh đạo đánh giá đây là mức tăng trưởng cao hơn các ngân hàng cùng nhóm. Cho vay bán lẻ tăng 7% QoQ và cho vay Doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) tăng 8% QoQ, với cả hai tiếp tục là các phân khúc ưu tiên chiến lược.
- Cho vay doanh nghiệp cũng đóng góp đáng kể, chủ yếu được dẫn dắt bởi các dự án BĐS, bao gồm các dự án phát triển nhà ở và hạ tầng tại Hà Nội và TP.HCM.
- Cho vay tín chấp tăng khoảng 4% QoQ với tốc độ chậm lại có chủ đích nhằm giảm tỷ trọng trong tổng danh mục cho vay. Việc giảm tỷ trọng này đã gây tác động cơ học làm giảm NIM hợp nhất.

3. NIM & NII

- NIM đã ghi nhận mức giảm trong quý 1/2026 do chi phí vốn tăng mạnh từ tháng 12/2025 trở đi. Tốc độ định giá lại lãi suất tiền gửi đang diễn ra nhanh hơn mức tăng của lợi suất cho vay, trong khi một số sản phẩm như thẻ tín dụng chưa thể điều chỉnh lãi suất ngay, qua đó góp phần làm gia tăng độ trễ. Tuy nhiên, theo ước tính của ban lãnh đạo, tỷ lệ dự trữ bắt buộc của VPB sẽ được giảm 50% từ quý 2/2026 trở đi, với nguyên nhân liên quan đến vai trò hỗ trợ ngân hàng 0 đồng, qua đó giải phóng thêm khoảng 9 nghìn tỷ đồng (341 triệu USD) năng lực huy động vốn.
- Triển vọng: Chi phí vốn được dự báo khó có thể hạ nhiệt cho đến sớm nhất là quý 3/2026. NIM cả năm 2026 có thể ghi nhận ở mức thấp hơn so với mục tiêu ban đầu. Ban lãnh đạo cho biết NIM năm 2026 có thể sẽ giảm khoảng 20 điểm cơ bản YoY xuống còn 4,4% (so với NIM quý 1 là 4,53%). Phản ứng của ban lãnh đạo là bù đắp thông qua tăng trưởng quy mô, quản lý cơ cấu danh mục, với tỷ trọng cao hơn của cho vay SME và cho vay tín chấp theo thời gian, đồng thời đẩy mạnh thu hồi nợ xấu, bao gồm cả các thủ tục tố tụng tại tòa.

4. Huy động vốn & vốn

- Tổng nguồn vốn huy động (tiền gửi + giấy tờ có giá) tăng khoảng 12,5% QoQ trong quý 1/2026, cao hơn rất nhiều so với mức tăng khoảng 1,2% của toàn hệ thống. Mục tiêu cả năm 2026 là đạt mức tăng trưởng huy động vốn 40% - nhìn chung tương đối tham vọng nhưng ban lãnh đạo cho rằng mức tăng trưởng trong quý 1 là cơ sở xác nhận tính khả thi. Các sản phẩm mới bao gồm chứng chỉ tiền gửi (CD) dành cho khách hàng doanh nghiệp/SME dự kiến ra mắt vào đầu tháng 5, giải pháp QR xuyên biên giới và ngoại hối thông qua Cake, cùng với việc mở rộng tài trợ theo chuỗi giá trị. Khối lượng CD trong nước đã tăng hơn 60% YoY.

- Nguồn vốn nước ngoài: VPB đang triển khai một khoản vay liên kết bền vững trị giá khoảng 1,2 tỷ USD, nhưng chưa hoàn tất ký kết.

- Tỷ lệ CASA duy trì ở mức khoảng 15%, chịu áp lực từ lãi suất tiền gửi có kỳ hạn đang tăng lên.

- Kế hoạch vốn: ĐHCĐ đã thông qua phương án phát hành riêng lẻ 5% cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài, hướng tới vốn điều lệ khoảng 106 nghìn tỷ đồng, qua đó sẽ đưa VPB trở thành ngân hàng niêm yết có vốn điều lệ lớn nhất tại Việt Nam. Danh tính nhà đầu tư hiện chưa được công bố, dù các cuộc đàm phán đang diễn ra. CAR vẫn duy trì ở mức khả quan (trên 14%).

5. Thu nhập ngoài lãi

- Bancassurance là một điểm sáng, vượt mức cam kết Quý 1 với đối tác AIA. Thu nhập phí thẻ giảm nhẹ do chi tiêu bán lẻ thực tế suy yếu.

- Các khoản thu nhập ngoài lãi khác được hỗ trợ bởi các khoản ghi nhận một lần: phí quản lý tài khoản doanh nghiệp tăng nhờ các khoản giải ngân lớn. Thu hồi nợ xấu cải thiện YoY nhưng vẫn bị hạn chế bởi tiến độ chậm của hoạt động thanh lý tài sản đảm bảo BĐS, từ đó khiến VPB phải tăng cường các biện pháp pháp lý. Thu nhập ngoại hối bị ảnh hưởng bởi chi phí phòng vệ của các khoản vay nước ngoài.

6. Chất lượng tài sản

- Tỷ lệ nợ xấu tăng nhẹ QoQ nhưng vẫn nằm trong kế hoạch; ban lãnh đạo trước đó cũng đã dự kiến rằng nợ xấu sẽ tăng vừa phải trong năm 2026, do mức nền tăng trưởng tín dụng cao của năm 2025. Không có thay đổi bất lợi nào về xu hướng được ghi nhận.

- BĐS: Cho vay BĐS doanh nghiệp tăng khoảng 14,5% QoQ và chiếm dưới 25% tổng dư nợ; cho vay mua nhà cá nhân tăng dưới 7% QoQ và duy trì dưới 15% tổng dư nợ. Ngân hàng tiếp tục tập trung vào khu vực đô thị Hà Nội/TP.HCM, các KCN phía Bắc, và các phân khúc ít mang tính đầu cơ hơn, theo khung quản trị "4 đúng" gồm: đúng chủ đầu tư, đúng địa bàn, đúng phân khúc và đúng khách hàng. Ngân hàng cũng đã thực hiện các bài kiểm tra sức chịu đựng (stress test), bao gồm cả phân tích theo kịch bản thị trường Trung Quốc.

7. Các công ty con - VPX (CTCP Chứng khoán VPBank)

- LNTT quý 1/2026 đạt khoảng 515 tỷ đồng (+47% YoY), hoàn thành 8% kế hoạch cả năm là 6,5 nghìn tỷ đồng (+44% YoY), dù ban lãnh đạo kỳ vọng lợi nhuận sẽ tăng tốc trong các quý tới và vẫn thể hiện sự cam kết đối với kế hoạch kinh doanh của công ty. Dư nợ cho vay kỳ quỹ tăng 12% so với đầu năm lên khoảng 38 nghìn tỷ đồng, với mục tiêu cả năm là 50 nghìn tỷ đồng.

- Danh mục tư vấn trái phiếu cho quý 2 dự kiến đạt khoảng 50 nghìn tỷ đồng, cho thấy đóng góp mạnh hơn của khoản doanh thu ngoài hoạt động cho vay trong nửa đầu năm.

- Tân Tổng Giám đốc ông Nhâm Hà Hải đã kế nhiệm ông Điền. Ban lãnh đạo cho biết chiến lược được xây dựng ở cấp tập đoàn và không phụ thuộc vào cá nhân.

GPBank: LNTT quý 1/2026 vượt 400 tỷ đồng, gần tương đương LNTT cả năm 2025. Cho vay tăng 8% QoQ và tiền gửi tăng 15% QoQ. Quá trình chuyển đổi sang mô hình ưu tiên số hóa, tập trung vào SME đang được triển khai tại hơn 80 chi nhánh.

FE Credit ghi nhận LNTT dương trong quý 1, dù tăng trưởng giải ngân vẫn chịu áp lực. Mục tiêu năm 2026 bao gồm tỷ lệ nợ xấu dưới 10% và LNTT khoảng 1,2 nghìn tỷ đồng, so với hơn 90 tỷ đồng ghi nhận trong quý 1/2026, theo ước tính của chúng tôi. Hiện chưa ghi nhận sự suy giảm trong hành vi trả nợ của nhóm khách hàng thu nhập thấp, dù các biện pháp thu hồi nợ mang tính phòng ngừa đang được chuẩn bị trước các rủi ro vĩ mô tiềm ẩn. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

Giá mục tiêu & Khuyến nghị - Cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	Room NN	GVH tr USD	GTGD/ 30N trUSD	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Tỷ lệ tăng	Lợi suất cổ tức	Tổng mức sinh lời	Khuyến nghị	Ngày báo cáo gần nhất	P/E 2024	P/E 2025	P/E Ngành trượt 12T*	P/B trượt 12T
STK	Dệt may	83%	73	0,0	13.800	25.500	85%	0,0%	85%	KQ	17/01/25	39,1	9,3	15,2	1,1
DGC	Công nghiệp	34%	769	8,2	53.300	91.200	71%	5,6%	77%	MUA	02/03/26	7,1	6,8	15,2	1,3
KDH	Bất động sản	14%	1.091	4,4	25.600	43.700	71%	0,0%	71%	MUA	09/03/26	29,4	18,5	19,7	1,6
NLG	Bất động sản	5%	509	3,8	27.650	45.800	66%	1,4%	67%	MUA	09/03/26	16,1	20,0	19,7	1,1
HVN	Hàng không	21%	2.677	0,8	22.650	37.100	64%	0,0%	64%	KQ	22/07/25	9,7	8,1	19,0	11,9
FPT	CNTT	8%	4.749	24,8	73.400	116.600	59%	3,1%	62%	MUA	22/10/25	14,5	12,9	19,1	3,4
BMI	Bảo hiểm	19%	86	0,3	15.050	23.100	53%	3,3%	57%	MUA	12/04/24	10,0	6,0	13,2	0,8
SZC	KCN	18%	189	0,7	27.700	42.400	53%	3,6%	57%	KQ	01/07/25	15,7	14,2	19,7	1,6
PVS	Dầu khí	34%	740	7,2	38.100	58.100	52%	0,0%	52%	MUA	26/02/26	13,4	12,8	20,7	1,3
VGC	KCN	43%	747	1,6	43.850	64.100	46%	5,0%	51%	MUA	21/10/25	14,0	12,6	15,4	2,3
SSI	Chứng khoán	66%	2.621	28,2	27.700	40.800	47%	3,6%	51%	KQ	27/08/25	14,0	15,1	18,8	1,8
PLC	Dầu khí	48%	69	0,3	22.400	31.900	42%	4,5%	47%	MUA	12/09/25	133,3	7,2	15,2	1,5
DCM	Phân bón	44%	837	7,8	41.650	57.600	38%	4,8%	43%	MUA	10/03/26	12,2	7,9	15,2	2,1
ACG	Gỗ	11%	190	0,0	33.200	45.800	38%	5,1%	43%	MUA	15/07/25	10,5	8,3	13,9	1,2
BMP	VLXD	14%	457	1,3	147.000	192.500	31%	10,9%	42%	MUA	12/11/25	9,9	8,6	15,4	3,8
VPB	Ngân hàng	6%	8.212	19,8	27.250	38.000	39%	1,8%	41%	MUA	19/11/25	9,0	7,1	11,2	1,2
BWE	Điện & Nước	39%	361	1,1	43.200	58.700	36%	3,0%	39%	MUA	02/02/26	11,5	10,4	11,7	1,6
PVT	Dầu khí	39%	413	6,5	23.150	30.800	33%	4,3%	37%	MUA	13/03/26	11,0	7,5	13,1	1,3
GEX	Điện & Nước	42%	1.364	15,5	39.800	54.000	36%	1,3%	37%	MUA	30/12/25	23,4	26,2	13,1	2,0
ACB	Ngân hàng	0%	4.565	9,7	23.400	32.000	37%	0,0%	37%	MUA	05/03/26	7,8	6,4	11,2	1,2
SAB	Đồ uống/Thực phẩm	41%	2.290	1,4	47.000	59.000	26%	10,6%	36%	MUA	06/01/26	14,0	13,4	14,7	2,7
HDG	Điện & Nước	31%	374	3,1	26.600	36.200	36%	0,0%	36%	MUA	23/03/26	14,4	11,8	19,7	1,4
PC1	Điện & Nước	33%	351	7,4	22.450	30.500	36%	0,0%	36%	MUA	02/02/26	9,5	8,4	15,4	1,4
MBB	Ngân hàng	0%	8.016	17,5	26.200	35.000	34%	1,9%	35%	MUA	13/03/26	8,5	6,6	11,2	1,6
MCH	Bán lẻ	33%	6.859	1,3	139.500	181.700	30%	4,3%	35%	PHTT	28/11/25	27,0	23,6	14,7	10,0
HPG	VLXD	27%	8.134	40,3	27.900	36.600	31%	1,8%	33%	MUA	04/04/26	14,4	10,1	13,9	1,7
NT2	Điện & Nước	37%	271	1,1	24.800	30.300	22%	10,1%	32%	MUA	26/02/26	7,4	6,7	11,7	1,4

HDC	Bất động sản	46%	142	2,3	18.700	24.600	32%	0,0%	32%	KQ	09/01/26	5,8	12,0	19,7	1,3
MSN	Bán lẻ	24%	4.240	18,1	77.200	101.200	31%	0,0%	31%	MUA	21/05/25	27,2	26,3	13,1	3,2
TLG	Văn phòng phẩm	85%	184	0,4	50.100	61.900	24%	7,0%	31%	MUA	12/09/25	10,7	8,1	9,9	1,9
POW	Điện & Nước	45%	1.492	6,8	12.800	16.700	30%	0,0%	30%	MUA	27/03/26	16,1	16,2	11,7	1,2
QNS	Đồ uống/Thực phẩm	41%	618	0,2	44.200	53.400	21%	9,0%	30%	KQ	30/08/24	8,4	6,3	14,7	1,5
PVD	Dầu khí	43%	663	6,3	31.400	40.300	28%	0,0%	28%	MUA	09/04/26	19,4	15,6	20,7	1,0
CTG	Ngân hàng	3%	10.325	9,9	35.000	44.900	28%	0,0%	28%	MUA	10/03/26	9,0	7,8	11,2	1,5
GMD	GTVT	9%	1.215	5,4	75.000	93.900	25%	3,1%	28%	MUA	26/02/26	20,3	13,3	13,1	2,4
TV2	Điện & Nước	5%	91	0,8	35.450	43.900	24%	2,8%	27%	MUA	18/09/25	40,4	14,1	13,1	1,9
DXG	Bất động sản	26%	630	10,8	14.900	18.700	26%	0,0%	26%	MUA	06/04/26	71,6	74,9	19,7	1,2
REE	Điện & Nước	0%	1.282	4,0	62.300	76.900	23%	1,6%	25%	MUA	22/04/26	13,3	11,7	13,1	1,6
QTP	Điện & Nước	48%	213	0,5	12.500	14.600	17%	8,0%	25%	MUA	10/12/25	5,5	8,5	11,7	1,0
TCB	Ngân hàng	0%	9.218	17,5	34.250	41.500	21%	3,5%	25%	MUA	04/03/26	9,6	8,1	11,2	1,4
HDB	Ngân hàng	1%	5.114	20,0	26.900	33.000	23%	1,9%	25%	MUA	06/03/26	7,5	6,4	11,2	1,8
FRT	Bán lẻ	16%	935	2,8	144.500	178.800	24%	0,7%	24%	MUA	13/11/25	31,0	21,9	12,7	5,9
KBC	KCN	31%	1.223	5,2	34.200	42.500	24%	0,0%	24%	MUA	13/03/26	15,0	10,8	19,7	1,3
IDC	KCN	32%	657	4,2	45.600	54.600	20%	4,4%	24%	MUA	17/03/26	9,0	8,7	19,7	2,7
GAS	Dầu khí	47%	7.176	4,6	78.300	93.600	20%	3,2%	23%	MUA	14/04/26	16,9	15,3	11,7	2,9
DPM	Phân bón	42%	683	6,0	26.450	31.200	18%	4,5%	22%	PHTT	10/03/26	20,2	11,9	15,2	1,6
MWG	Bán lẻ	1%	4.657	23,2	83.500	101.000	21%	1,2%	22%	MUA	14/10/25	17,4	14,7	12,7	3,8
VCB	Ngân hàng	8%	19.233	18,1	60.600	73.500	21%	0,7%	22%	MUA	17/03/26	15,6	12,9	11,2	2,3
VNM	Đồ uống/Thực phẩm	52%	4.874	10,1	61.400	70.300	14%	6,5%	21%	MUA	24/04/25	13,6	14,6	14,7	4,2
AST	DV Hàng không	5%	119	0,0	69.700	80.600	16%	5,0%	21%	MUA	26/08/25	12,5	12,1	12,7	5,3
BID	Ngân hàng	12%	11.268	12,1	40.750	48.800	20%	0,0%	20%	MUA	01/04/26	10,7	9,6	11,2	1,8
PHR	Công nghiệp	34%	312	0,5	60.700	71.300	17%	2,2%	20%	MUA	25/03/26	17,8	8,8	15,2	2,0
SIP	KCN	44%	555	1,2	60.300	69.800	16%	3,3%	19%	MUA	22/12/25	11,7	11,3	19,7	2,8
VHC	Đồ uống/Thực phẩm	78%	532	1,7	62.400	71.600	15%	3,2%	18%	MUA	26/01/26	10,3	7,9	14,7	1,5
TDM	Điện & Nước	48%	243	1,1	57.500	65.300	14%	2,6%	16%	KQ	02/02/26	33,0	31,0	11,7	2,4
DHC	Công nghiệp	13%	132	0,4	36.100	40.100	11%	3,6%	15%	MUA	16/12/25	8,9	8,6	13,9	1,6
PPC	Điện & Nước	40%	122	0,2	10.050	11.000	9%	5,0%	14%	KQ	10/12/25	19,8	10,0	11,7	0,7

DXS	Bất động sản	29%	161	0,8	7.300	8.300	14%	0,0%	14%	KQ	06/04/26	13,4	12,5	19,7	0,7
CTR	CNTT	40%	379	1,1	87.200	96.800	11%	1,7%	13%	KQ	14/04/26	16,6	14,3	15,4	4,8
DPG	Điện & Nước	41%	199	1,0	44.250	48.700	10%	2,3%	12%	MUA	06/01/26	11,1	6,7	15,4	2,4
ACV	Hàng không	46%	6.071	1,1	44.700	50.100	12%	0,0%	12%	PHTT	06/04/26	14,6	14,0	13,1	2,3
PNJ	Bán lẻ	0%	1.361	6,0	70.000	75.600	8%	2,9%	11%	MUA	07/11/25	13,7	15,3	9,9	2,7
BSR	Lọc hóa dầu	49%	4.755	13,8	25.000	27.000	8%	2,8%	11%	PHTT	18/03/26	24,1	7,7	20,7	2,1
PTB	Công nghiệp	12%	152	0,3	49.800	52.000	4%	4,2%	9%	KQ	06/10/25	6,6	8,6	13,9	1,3
SCS	DV Hàng không	14%	190	0,3	52.700	51.200	-3%	10,4%	8%	PHTT	13/01/26	6,7	7,1	19,0	3,0
VEA	Ô-tô	47%	1.671	0,3	33.200	30.800	-7%	14,5%	7%	PHTT	28/10/25	6,0	6,2	13,1	1,6
VIB	Ngân hàng	0%	2.230	5,9	17.250	18.500	7%	0,0%	7%	KQ	23/05/25	8,1	6,6	11,2	1,3
VRE	Bất động sản	31%	2.486	6,9	28.800	30.700	7%	0,0%	7%	KQ	30/03/26	10,2	12,0	19,7	1,4
PLX	Xăng dầu	3%	1.916	5,6	39.700	41.100	4%	3,0%	7%	MUA	13/10/25	20,6	17,2	20,7	1,9
F88	Tài chính TT	0%	672	0,5	160.000	168.000	5%	0,0%	5%	KQ	21/01/26	24,5	17,8	#N/A	7,2
DGW	Bán lẻ	30%	374	2,8	44.500	45.400	2%	1,1%	3%	PHTT	18/11/25	17,9	15,9	12,7	2,9
NVL	Bất động sản	42%	1.651	17,4	19.450	20.000	3%	0,0%	3%	MUA	01/10/25	22,6	108,6	19,7	1,0
VTP	GTVT	43%	456	1,8	69.400	69.000	-1%	2,2%	2%	PHTT	06/09/24	24,2	20,4	13,1	6,8
TPB	Ngân hàng	7%	1.717	5,6	16.300	15.800	-3%	0,0%	-3%	MUA	27/05/25	6,1	6,0	11,2	1,1
GVR	Công nghiệp	12%	5.067	4,1	33.350	30.500	-9%	1,2%	-7%	KQ	31/12/25	23,7	21,8	15,2	2,4
NKG	VLXD	45%	246	2,6	14.450	13.100	-9%	0,0%	-9%	PHTT	18/04/25	32,8	11,2	13,9	0,9
HSG	VLXD	41%	373	2,4	15.800	13.500	-15%	3,2%	-11%	PHTT	18/04/25	15,7	16,7	13,9	0,9
OIL	Dầu khí	1%	581	1,8	14.700	12.700	-14%	0,7%	-13%	KQ	17/10/25	35,9	32,5	20,7	1,5
LPB	Ngân hàng	4%	5.253	3,3	46.300	39.300	-15%	2,2%	-13%	KKQ	18/11/25	12,2	12,8	11,2	2,8
VHM	Bất động sản	39%	22.029	35,8	141.200	122.600	-13%	0,0%	-13%	KQ	30/03/26	13,8	13,4	19,7	2,4
STB	Ngân hàng	9%	4.647	21,0	64.900	55.400	-15%	0,0%	-15%	KQ	08/12/25	20,6	10,5	11,2	2,0
BVH	Bảo hiểm	22%	2.024	2,3	71.800	56.900	-21%	1,3%	-19%	KQ	26/05/25	18,0	17,0	13,2	2,2
VJC	Hàng không	18%	4.056	14,6	180.500	114.000	-37%	0,0%	-37%	KQ	15/03/24	50,3	20,2	19,0	4,3
VIC	Bất động sản	40%	62.080	39,6	212.100	101.600	-52%	0,0%	-52%	BÁN	30/03/26	139,6	144,1	19,7	11,1

Nguồn: Fiinpro, Vietcap (phân loại ngành của Vietcap; khuyến nghị của chuyên viên phân tích được công bố trong báo cáo cập nhật gần nhất), KQ: KHẢ QUAN, PHTT; PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG, KKQ: KÉM KHẢ QUAN, KĐG: KHÔNG ĐÁNH GIÁ. *P/E trượt của ngành dựa trên phân loại của ICB, có thể khác với phân loại ngành của Vietcap

Thống kê Danh mục khuyến nghị của Vietcap

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
MUA	52	137.778	2.650	18	14,9	11,8	10,0	15,0	1,8	22,6	17,6	14,6	2,0	2,9%
KHẢ QUAN	20	51.169	2.558	7	17,2	14,9	13,0	14,2	2,3	24,6	19,4	14,7	2,7	1,6%
PHÙ HỢP TT	10	21.677	2.168	0	19,2	17,0	12,1	19,4	2,7	29,4	18,9	13,5	3,2	4,3%
KÉM KHẢ QUAN	1	5.253	5.253	0	15,0	12,2	12,8	10,4	2,8	15,0	12,2	12,8	2,8	2,2%
BÁN	1	62.080	62.080	1	132,6	139,6	144,1	66,9	11,1	132,6	139,6	144,1	11,1	0,0%
TỔNG CỘNG	84	277.957	3.309	26	19,6	16,1	13,7	16,4	2,4	25,1	19,6	16,0	2,4	2,7%

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
Ngân hàng	12	89.799	7.483	11	11,9	10,3	8,6	12,4	1,7	11,3	10,4	8,4	1,7	1,0%
Bảo hiểm	2	2.110	1.055	1	23,6	17,4	15,9	14,3	2,0	17,7	14,0	11,5	1,5	2,3%
Chứng khoán	1	2.621	2.621	1	22,2	14,0	15,1	20,6	1,8	22,2	14,0	15,1	1,8	3,6%
Tài chính thay thế	1	672	672	0	50,2	24,5	17,8	25,7	7,2	50,2	24,5	17,8	7,2	0,0%
Tiêu dùng	13	28.972	2.229	4	18,6	16,2	15,2	19,6	3,6	24,1	16,5	14,5	3,6	4,8%
CNTT	1	4.749	4.749	1	17,2	14,5	12,9	23,0	3,4	17,2	14,5	12,9	3,4	3,1%
Bất động sản	9	90.778	10.086	2	58,1	36,8	37,6	23,1	4,5	39,7	35,8	46,2	2,4	0,2%
Vật liệu	4	9.209	2.302	1	17,7	14,3	10,2	18,3	1,6	15,3	18,2	11,7	1,8	4,0%
Điện & Nước	12	6.362	530	1	21,8	14,1	13,2	18,2	1,5	29,3	17,1	13,5	1,6	3,1%
Dầu khí	10	17.833	1.783	2	25,6	18,6	11,5	21,6	2,1	37,2	30,7	13,6	1,7	2,8%
Công nghiệp	5	1.317	263	0	8,8	7,9	7,4	12,2	1,3	14,5	14,4	8,3	1,3	3,7%
Khu công nghiệp	7	8.750	1.250	1	24,9	17,6	15,1	18,7	2,1	25,8	15,3	12,6	2,2	2,8%
GTVT & Logistics	7	14.784	2.112	1	14,7	16,6	13,3	18,0	3,3	20,1	19,8	13,6	5,2	3,0%
TỔNG CỘNG	84	277.957	3.309	26	19,6	16,1	13,7	16,4	2,4	25,1	19,6	16,0	2,4	2,7%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap
 Ghi chú: P/E dự phóng dựa theo dự báo của Vietcap
 *FPT được phân loại lại từ nhóm Tiêu dùng sang CNTT

Cập nhật KQKD Q1 2026 – Các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Tăng trưởng EPS Q1 2026 so với cùng kỳ	Tăng trưởng EPS 2026F	Khuyến nghị cũ	Khuyến nghị mới	Nhận xét
Ngân hàng					
ACB				MUA	
BID				MUA	
CTG				MUA	
HDB				KQ	
LPB				BÁN	
MBB				MUA	
STB				MUA	
TCB				MUA	
TPB				MUA	
VCB				MUA	
VIB				KQ	
VPB				MUA	
ĐCTC phi ngân hàng					
BMI				MUA	
BVH				KQ	
SSI				MUA	
F88				KQ	
Tiêu dùng					
CTR		14%		KQ	
DGW				PHTT	
FPT				MUA	
FRT				MUA	
MSN (2)				MUA	
MCH				PHTT	
MWG				MUA	
PNJ				MUA	
QNS				KQ	
SAB		5%		MUA	
TLG		20%		MUA	
VEA		-3%		PHTT	
VHC		30%		MUA	
VNM				MUA	
GTVT & Logistics					
ACV		4%		PHTT	
AST		6%		MUA	
GMD (2)		31%		MUA	
HVN		19%		PHTT	

SCS		-6%	PHTT	
VJC		N.A	KQ	
VTP		19%	PHTT	
Bất động sản				
DXG		-4%	MUA	
DXS		7%	MUA	
HDC		-51%	KQ	
NVL		-79%	MUA	
KDH		59%	MUA	
NLG		-20%	MUA	
VHM		3%	KQ	
VIC		-3%	BÁN	
VRE		-15%	KQ	
Khu công nghiệp				
GVR		9%	KQ	
IDC		4%	MUA	
KBC		39%	MUA	
PHR		103%	MUA	
SIP		4%	MUA	
SZC	-86%	11%	KQ	Lợi nhuận giảm mạnh do thay đổi phương pháp kế toán; dòng tiền từ KCN vẫn ổn định trong quý 1
Vật liệu & Công nghiệp				
ACG (2)		26%	MUA	
BMP		15%	MUA	
DGC		23%	MUA	
DHC		3%	MUA	
HPG		41%	MUA	
HSG (1)		-5%	PHTT	
NKG		202%	PHTT	
PTB		-19%	KQ	
STK		231%	KQ	
Điện & Nước				
BWE (2)		9%	MUA	
GEX			MUA	
HDG			KQ	
NT2	395%	-16%	MUA	LNST dự kiến tăng khoảng 5 lần YoY từ nền thấp của quý 1/2025; rủi ro điều chỉnh giảm nhẹ
PC1		12%	MUA	
POW		-1%	MUA	
PPC		99%	KQ	
QTP		-35%	MUA	
REE		17%	MUA	

TDM (2)	-61%	8%	KQ	LNST từ hoạt động sản xuất nước trong quý 1 năm 2026 đạt 17% dự báo cả năm, có rủi ro giảm nhẹ đối với dự báo lợi nhuận
TV2		186%	MUA	
DPG		65%	MUA	
VGC			MUA	
Dầu khí				
BSR		215%	PHTT	
DCM (2)		55%	MUA	
DPM		70%	PHTT	
GAS			MUA	
OIL (2)			KQ	
PLX (2)			MUA	
PLC			MUA	
PVD (2)		55%	MUA	
PVS (2)		10%	MUA	
PVT (2)		49%	MUA	

(*) Ghi chú: Chúng tôi sẽ cập nhật kết quả của từng công ty khi KQKD được công bố. (1) Năm tài chính của HSG bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09. Do đó KQKD quá khứ trên là tăng trưởng của EPS quý 2 năm tài chính 2026. (2) Dựa trên LN cốt lõi, không bao gồm các khoản bất thường.

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Δ
VNIndex	1.853,3	-17,1
VN 30	2.011,4	-13,3
VN Mid	2.206,4	-6,0
VNSmall	1.408,7	1,4

Sàn GDCK Hà Nội (HNX)

	Điểm	Δ
HNXINDEX	252,0	-1,3
HNX30	527,3	-1,7
VNX Allshare	3.003,1	-19,2

Sàn Upcom (UPCOM)

	Điểm	Δ
UpCom	127,5	-0,8

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	2.002,1	10,3%
Khối ngoại mua	1.587,4	8,2%
Khối ngoại bán	3.522,5	18,2%
Tổng giao dịch	19.363,5	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	515,8	40,4%
Khối ngoại mua	33,1	2,6%
Khối ngoại bán	35,3	2,8%
Tổng giao dịch	1.275,6	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	112,8	21,9%
Khối ngoại mua	4,2	0,8%
Khối ngoại bán	15,0	2,9%
Tổng giao dịch	516,2	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
TDH	290	6,8%
DPG	2.150	5,1%
SBG	550	4,7%
TV2	1.350	4,0%
HHS	500	3,9%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
L14	700	2,9%
DXP	400	2,9%
NAG	200	2,3%
PVS	700	1,9%
NRC	100	1,5%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
VIW	5.580	14,3%
VBB	937	6,9%
DRI	735	5,7%
PHP	1.742	4,9%
ILS	851	4,0%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
PC1	-1.650	-6,9%
VHM	-7.800	-5,2%
OGC	-170	-5,2%
KDC	-2.100	-4,5%
SJS	-2.700	-4,4%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
PVI	-2.200	-2,9%
KSV	-3.800	-2,4%
LAS	-300	-1,9%
HUT	-300	-1,8%
KSF	-1.700	-1,8%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
PVX	-81	-4,5%
DHB	-655	-4,5%
POM	-164	-4,0%
TIN	-4.825	-3,0%
VEF	-2.981	-2,9%

(*) GT vốn hóa > 500 tỷ đồng VND, Giá trị GD > 1.5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
SHB	1.212
VIC	919
VHM	875
TCB	859
FPT	837

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
SHS	583
CEO	120
PVS	111
IDC	74
MBS	40

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
HNG	81
TSJ	75
VGI	53
MSR	51
ACV	29

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
TDH	1.814.871	72.116
DAH	3.038.216	170.861
VNE	1.043.216	277.657
DPG	2.122.316	600.257
SBG	263.955	76.924
PVP	1.706.980	524.290
VTO	509.215	168.794
CTR	922.108	337.972
KDC	1.151.291	432.404
VIP	462.742	204.156

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
VHE	797.756	142.722
NAG	465.237	134.930
VC2	440.086	140.246
SJE	150.200	51.568
L14	152.786	68.710
DTD	456.223	220.134
NRC	2.413.611	1.271.179
DDG	1.008.462	544.192
MBG	300.543	181.485
EVS	172.038	136.400

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
BGE	546.344	98.270
BCR	1.476.787	273.607
QBS	268.623	60.131
POM	1.877.381	439.491
DRI	2.033.557	522.894
ACM	417.316	124.723
PVX	950.882	298.072
VTD	737.241	245.856
VBB	648.960	226.635
VEA	604.466	265.523

(*) Có ít nhất 50.000 cổ phiếu giao dịch trong phiên hôm nay

Top 5 mã vốn hóa lớn nhất của mỗi ngành

Dịch vụ tài chính **

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.753,3		13,7	2,1	11,8
TCX	4.416,5	0,0	18,9	2,6	15,5
VCK	3.218,6	0,0	19,4	2,8	19,3
SSI	2.621,0	65,8	12,9	1,8	12,2
VPX	1.965,7	0,0	12,2	1,5	5,2
VIX	1.545,0	89,7	5,0	1,9	6,9

Bảo hiểm

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	635,5		13,0	1,7	11,6
BVH	2.024,5	21,9	18,8	2,2	8,7
PVI	665,5	42,4	15,9	2,1	11,5
BIC	186,9	3,6	9,1	1,5	16,8
VNR	158,5	22,4	9,6	1,0	8,2
MIG	142,2	83,7	11,5	1,4	12,9

Công nghiệp

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.800,3		19,6	3,7	16,9
ACV	6.071,5	45,7	14,8	2,3	16,3
MVN	2.462,2	0,0	33,3	4,6	17,3
GEE	2.432,9	49,8	19,6	8,0	19,8
VEA	1.670,9	47,4	6,2	1,6	23,1
GEX	1.364,2	41,6	24,3	2,0	8,1

Hàng tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.924,7		18,5	4,5	20,6
MCH	6.859,0	33,5	25,3	10,0	31,7
VNM	4.874,2	51,6	13,6	4,2	29,7
MSN	4.239,9	24,4	28,5	3,2	4,7
SAB	2.289,7	40,9	12,5	2,7	17,6
PNJ	1.360,6	0,2	12,6	2,7	19,4

Dầu khí

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.730,9		21,1	1,6	6,2
BSR	4.754,9	48,8	24,0	2,1	5,2
PLX	1.916,0	2,8	18,9	1,9	11,5
PVS	740,1	34,0	10,5	1,3	7,0
PVD	663,0	42,8	16,8	1,0	4,5
OIL	580,7	0,7	35,2	1,5	2,8

Tiện ích

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.342,8		14,7	2,2	8,5
GAS	7.176,4	47,2	16,6	2,9	17,1
POW	1.491,6	45,4	15,1	1,2	4,4
REE	1.281,8	0,0	13,3	1,6	10,3
PGV	1.026,3	50,0	7,3	1,5	-2,5
DNH	738,0	0,0	21,2	3,8	13,3

Bất động sản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	18.383,5		37,9	4,4	11,5
VIC	62.082,6	40,3	144,5	11,1	7,4
VHM	22.029,3	38,8	13,8	2,4	10,9
KSF	3.188,7	50,0	5,2	4,9	13,9
VRE	2.485,8	30,8	10,2	1,4	10,4
BCM	2.130,8	32,0	16,0	2,5	14,9

Ngân hàng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	11.651,6		9,9	1,6	16,1
VCB	19.233,3	7,9	14,4	2,3	19,4
BID	11.268,4	12,4	9,6	1,8	18,5
CTG	10.325,6	3,0	7,9	1,5	16,3
TCB	9.218,8	0,0	9,3	1,4	16,5
VPB	8.212,1	5,6	8,2	1,2	9,7

Dịch vụ tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.575,3		47,4	6,0	-0,2
VPL	5.551,5	48,9	132,6	4,0	0,0
MWG	4.657,3	1,2	17,5	3,8	11,7
VJC	4.056,1	17,8	48,4	4,3	9,4
HVN	2.676,9	20,8	7,8	11,9	-28,5
FRT	934,7	16,3	31,0	5,9	6,3

Vật liệu cơ bản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.924,7		18,5	4,5	20,6
HPG	6.859,0	27,3	25,3	10,0	31,7
GVR	4.874,2	12,1	13,6	4,2	29,7
MSR	4.239,9	99,9	28,5	3,2	4,7
KSV	2.289,7	0,0	12,5	2,7	17,6
DCM	1.360,6	43,8	12,6	2,7	19,4

Y tế

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.730,9		21,1	1,6	6,2
DHG	4.754,9	46,2	24,0	2,1	5,2
IMP	1.916,0	24,8	18,9	1,9	11,5
DHT	740,1	9,0	10,5	1,3	7,0
DVN	663,0	0,0	16,8	1,0	4,5
DBD	580,7	84,5	35,2	1,5	2,8

Công nghệ

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.342,8		14,7	2,2	8,5
FPT	7.176,4	8,0	16,6	2,9	17,1
CMG	1.491,6	13,9	15,1	1,2	4,4
SAM	1.281,8	48,5	13,3	1,6	10,3
SGT	1.026,3	-5,5	7,3	1,5	-2,5
ELC	738,0	45,9	21,2	3,8	13,3

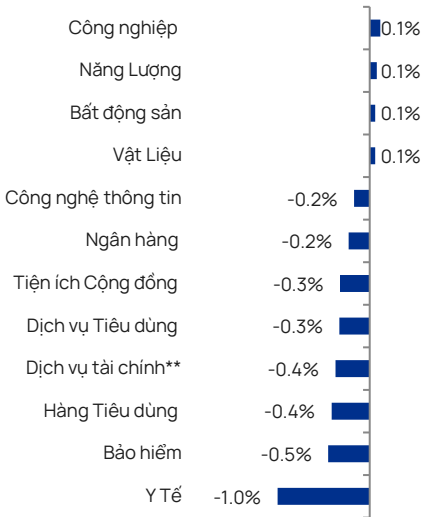
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB, GT vốn hóa (triệu USD), FOL còn lại (%)

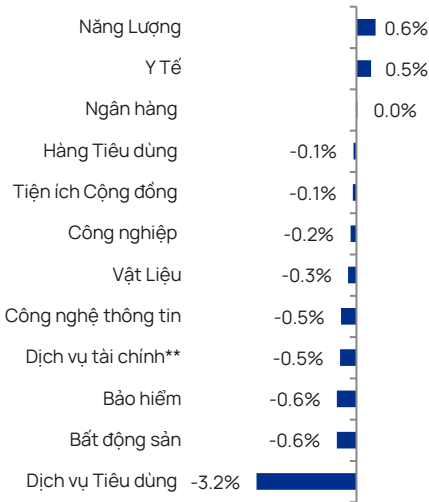
** ngoại trừ ngân hàng

Diễn biến hằng ngày theo ngành

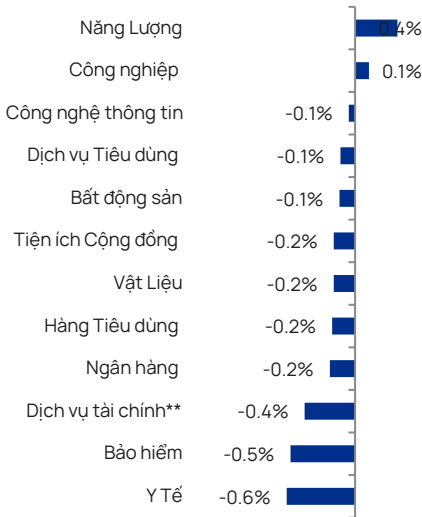
Sàn giao dịch chứng khoán
Tp. Hồ Chí Minh (HSX)



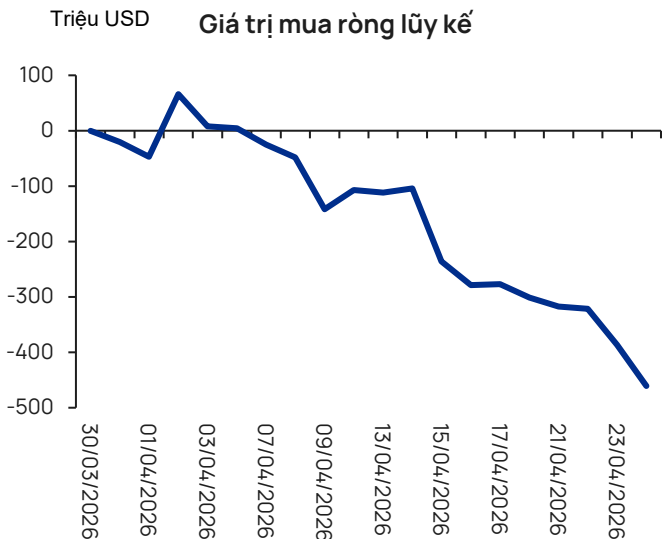
Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)



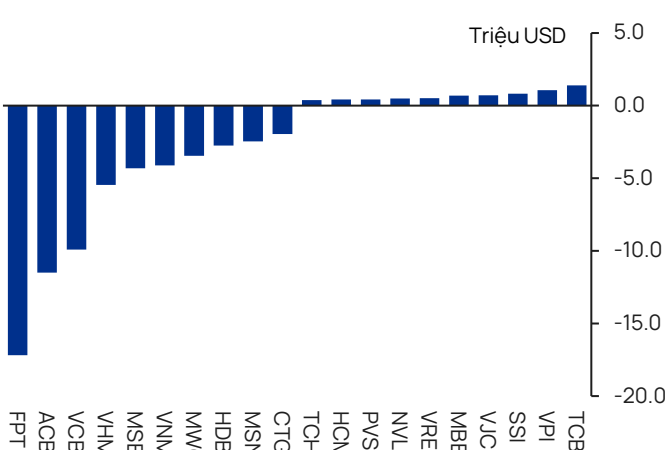
Sàn giao dịch chứng khoán
Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội (HSX+HNX)



GTGD của khối ngoại cộng dồn trong 20 ngày
(HSX, HNX, UPCOM)



Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng cao nhất nhất
(HSX, HNX, UPCOM) trong ngày

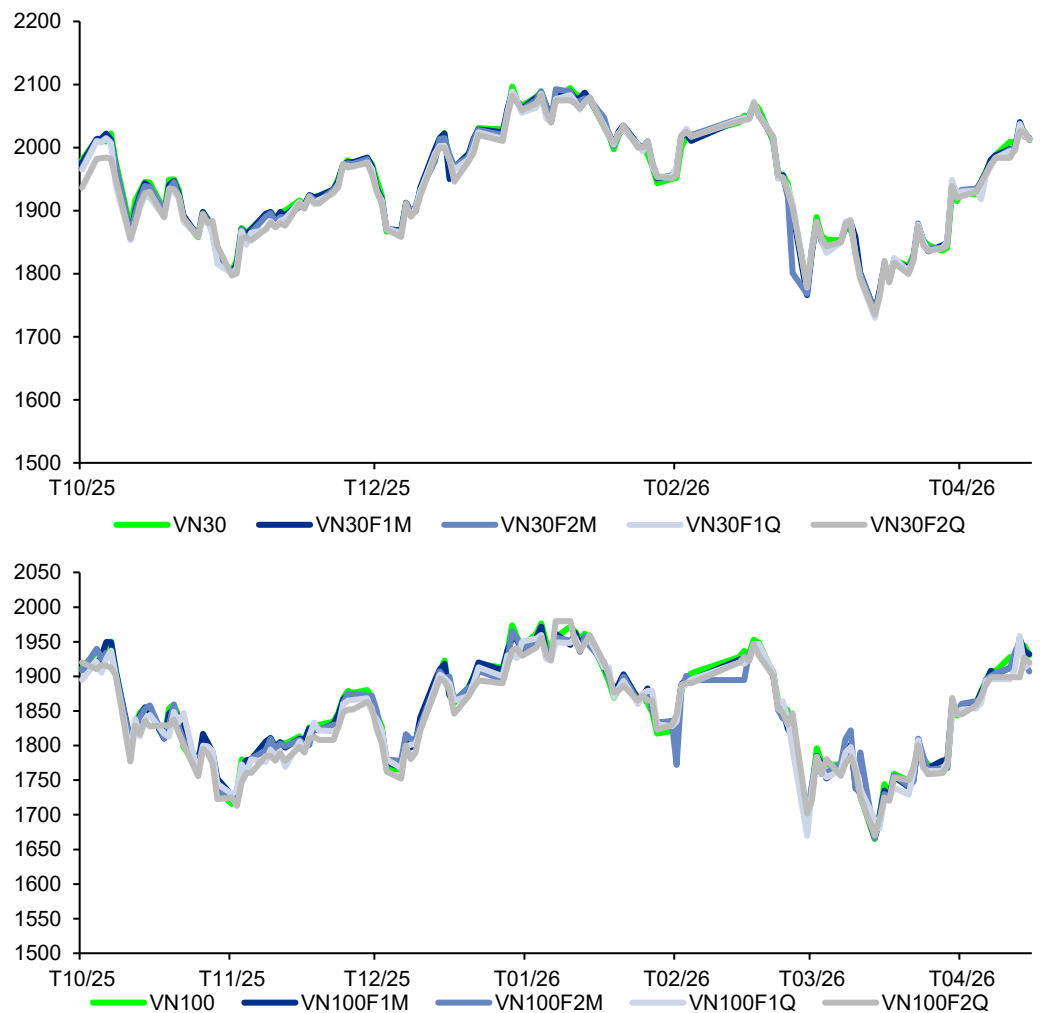


Nguồn: HSX, HNX, Fiinpro
** ngoại trừ ngân hàng

Giao dịch Phái sinh

Hợp đồng	Giá	Net Δ	% Δ	Chênh lệch
VN30F1M	2.015,0	-4,2	-0,2%	3,6
VN30F2M	2.014,6	-3,3	-0,2%	3,2
VN30F1Q	2.014,0	-5,1	-0,3%	2,6
VN30F2Q	2.012,0	-12,9	-0,6%	0,6
VN100F1M	1.932,0	-4,7	-0,2%	1,3
VN100F2M	1.907,1	-12,4	-0,6%	-23,6
VN100F1Q	1.918,0	6,0	0,3%	-12,7
VN100F2Q	1.920,0	-7,0	-0,4%	-10,7

Hợp đồng	Khối lượng	% Δ	KL giao dịch	%Δ
VN30F1M	32.641	1,2%	259,28	-25,5%
VN30F2M	1.545	1,8%	0,27	-49,0%
VN30F1Q	315	2,3%	0,04	-48,8%
VN30F2Q	23	21,1%	0,01	-67,6%
VN100F1M	23	27,8%	0,06	-47,9%
VN100F2M	18	12,5%	0,00	-33,3%
VN100F1Q	16	14,3%	0,01	-16,7%
VN100F2Q	3	200,0%	0,00	-71,4%

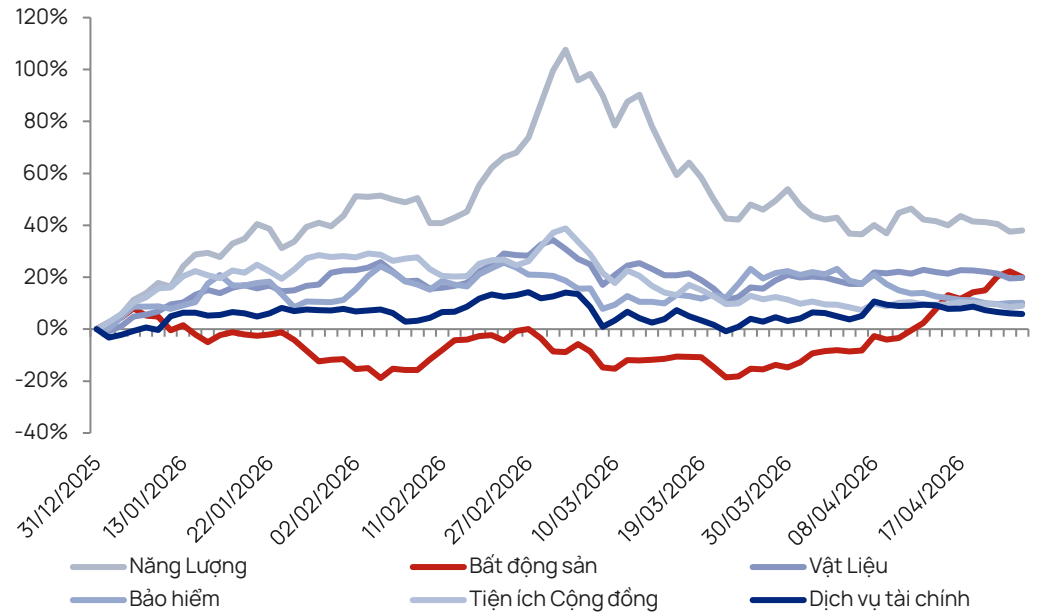


Nguồn: Fiinpro, Vietcap

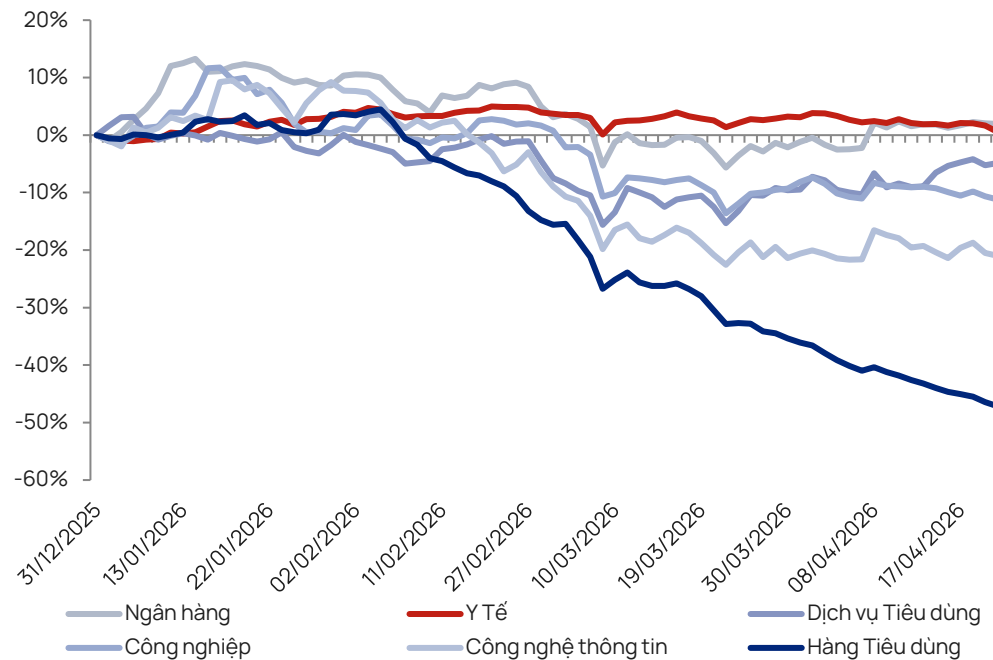
Ghi chú: F1M = hợp đồng đáo hạn trong 1 tháng
 F2M = hợp đồng đáo hạn trong 2 tháng
 F1Q = hợp đồng đáo hạn trong 1 quý
 F2Q = hợp đồng đáo hạn trong 2 quý

Diễn biến theo ngành có trọng số YTD trên sàn 3 sàn

6 nhóm ngành tích cực nhất*



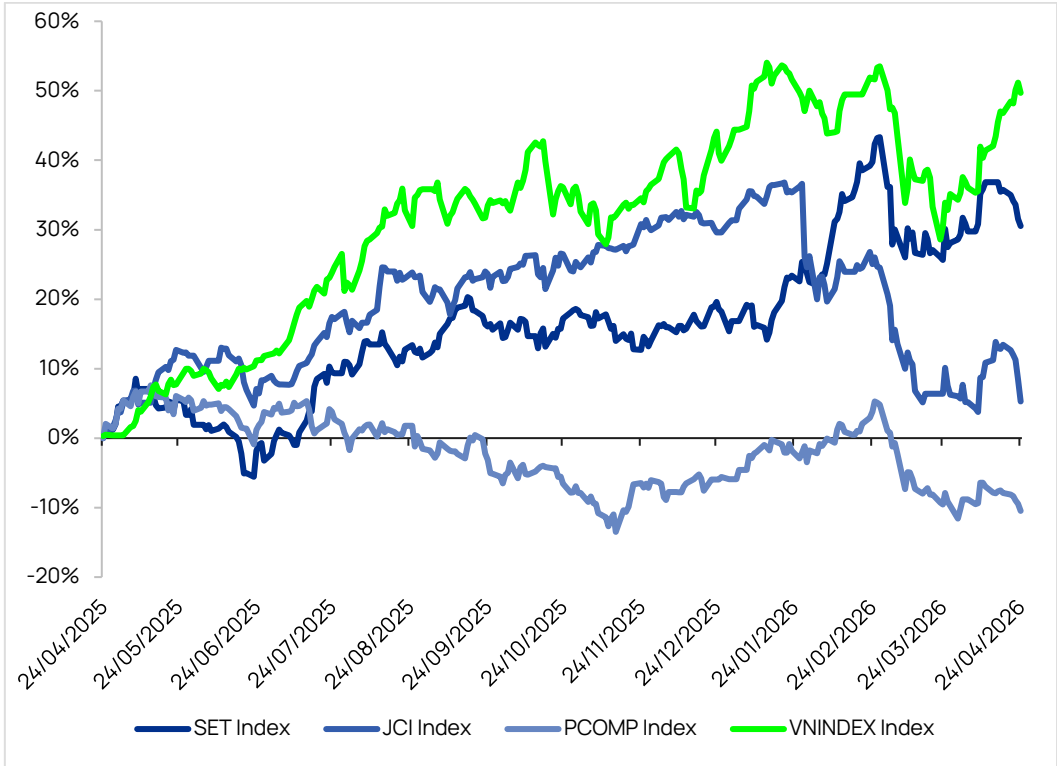
6 nhóm ngành kém tích cực nhất*



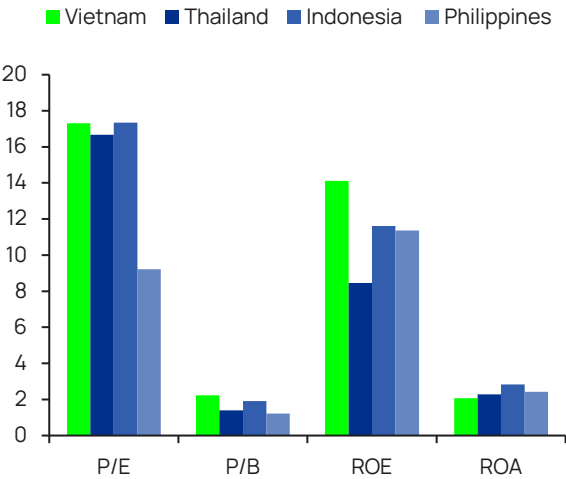
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB

Diễn biến các thị trường trong khu vực



Ghi chú: dựa theo giá trị đồng tiền của các quốc gia tương ứng



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VN- Index
P/E	16,7	17,3	9,2	17,3
P/B	1,4	1,9	1,2	2,2
ROE (%)	8,5	11,6	11,4	14,1
ROA (%)	2,3	2,8	2,4	2,1
Giá trị vốn hóa. tỷ USD	577,7	766,7	144,6	331,7
GTGD trung bình. tr USD	1.381,9	1.126,0	82,6	1.027,9
Mua ròng khối ngoại - YTD. tr USD	586,0	-2.412,5	-43,1	-1.507,6
Mua ròng khối ngoại - 5 ngày. tr USD	(181,9)	(54,8)	(41,1)	(125,2)
Lợi suất TPCP 5 năm	1,63%	6,61%	6,26%	4,06%

Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Ghi chú: Nếu tỷ lệ P/E, ROE, ROA là N/A, cột P/E, ROE, ROA tương ứng sẽ không thể hiện

Dữ liệu P/E sử dụng lợi nhuận pha loãng

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588
research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
nam.hoang@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,
Trưởng phòng, ext 138
- Vũ Thế Quân, Phó Trưởng phòng, ext 364
- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516

Vĩ mô
Hoàng Thúy Lương
Trưởng phòng cao cấp, ext 368
- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên cao cấp, ext 584
- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532
- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước

Đinh Thị Thùy Dương
Phó Giám đốc, ext 140
- Dương Tấn Phước, Chuyên viên, ext 135
- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên cao cấp, ext 181
- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

Bất động sản

Lưu Bích Hồng
Trưởng phòng cao cấp, ext 120
- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 149
- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng

Nguyễn Thảo Vy
Trưởng phòng cao cấp, ext 147
- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191
- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363
- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129
- Tống Hoàng Trâm Anh, Phó Trưởng phòng, ext 366
- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570
- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư và Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

Anthony Le
Giám đốc
Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức
+84 28 3914 3588, ext 525
anthony.le@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh
Giám đốc điều hành
Phòng Tư Vấn Đầu Tư
+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vietcap.com.vn

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại) / giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.